

**BẢNG TÓM TẮT ĐIỀU KHOẢN CHỈNH SỬA  
TRONG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN**

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
1	<p><b>ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>[...]</p> <p>- “Quy chế quản trị công ty” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;</p> <p>- “Quy chế Hội đồng quản trị” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;</p>	<p><b>ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA</b></p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>[...]</p> <p>- “Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;</p> <p>- “Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có liên quan;</p>	<p>Chỉnh sửa tên quy chế để tránh gây hiểu nhầm.</p> <p>Những điều khoản tham chiếu đến thuật ngữ “Quy chế quản trị công ty” và “Quy chế Hội đồng quản trị” sẽ được thay thế tương ứng bằng “Quy chế nội bộ về quản trị công ty” và “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị”.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	<p>“Công ty con” là công ty mà Công ty là công ty mẹ theo khoản 1, Điều 195, Luật Doanh nghiệp.</p> <p>“Công ty liên kết” là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh của Công ty.</p> <p>“Nhóm Công Ty” gồm Công ty và công ty con, công ty liên kết của Công ty.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ định nghĩa “công ty con”, vì có nhiều điều khoản tham chiếu đến định nghĩa này.</p> <p>Bổ sung để làm rõ định nghĩa “công ty liên kết”, vì có nhiều điều khoản tham chiếu đến định nghĩa này.</p> <p>Bổ sung để làm rõ định nghĩa “Nhóm Công Ty”, vì có nhiều điều khoản tham chiếu đến định nghĩa này.</p>
	- “Vốn điều lệ” là <b>vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp</b> và quy định tại Điều 14, Điều lệ này;	“Vốn điều lệ” là <b>tổng mệnh giá Cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty</b> và quy định tại Điều 14, Điều lệ này;	Chỉnh sửa theo Điều 4.34 của LDN 2020; Điều 1(a) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	- “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp và khoản 1.8, Điều 40, Điều lệ này;	- “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị <b>không điều hành và đáp ứng các tiêu chuẩn</b> được quy định tại khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp và khoản 1.8, Điều 40, Điều lệ này;	Chỉnh sửa từ ngữ để làm rõ nội dung, vì Điều 155.2 của LDN và Điều 40.1.8 của Điều lệ chỉ quy định tiêu chuẩn của thành viên độc lập HĐQT.
	- “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người quản lý doanh nghiệp;	“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý doanh nghiệp khác theo danh sách do Hội đồng quản trị quyết định tùy	Chỉnh sửa thuật ngữ phù hợp với thực tế.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		từng thời điểm;	
	<p>- “Người quản lý doanh nghiệp” là thành viên Hội đồng quản trị và Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp của Công ty;</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>- “Người quản lý doanh nghiệp” là <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>, thành viên Hội đồng quản trị, <b>Tổng Giám đốc</b> và Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp khác của Công ty;</p> <p>“Người quản lý doanh nghiệp khác” là nhân sự quản lý quan trọng của Công ty, theo danh sách do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 4.24 của LDN 2020; Điều 1.1(h) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Tách biệt vai trò của người quản lý và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>Bổ sung để làm rõ định nghĩa “người quản lý doanh nghiệp khác”, vì có nhiều điều khoản tham chiếu đến định nghĩa này.</p>
	- “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty do Tổng Giám đốc đề cử cho Hội đồng quản trị quyết định;	<del>—“Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty do Tổng Giám đốc đề cử cho Hội đồng quản trị quyết định;</del>	<p>Xóa vì thuật ngữ “người điều hành doanh nghiệp” không được sử dụng.</p> <p>Những điều khoản tham chiếu đến thuật ngữ “người điều hành doanh nghiệp” sẽ được thay thế bằng “người quản lý doanh nghiệp khác”.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	“Ban Giám đốc” là một cơ cấu quản lý (tập hợp/nhóm) của các nhân sự quản lý cấp cao, bao gồm Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý khác do Tổng Giám đốc lựa chọn và đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm tùy từng thời điểm, có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc thực hiện hoạt động điều hành kinh doanh hàng ngày của Công ty;	Khái niệm về Ban Giám đốc chưa được định nghĩa hoặc quy định ở tài liệu nội bộ nào nên cần bổ sung làm cơ sở nguồn cho việc sử dụng trong Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.
	- “Quy chế quản lý nội bộ” là các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành Công ty, và các hoạt động hoặc vấn đề liên quan khác do Hội đồng quản trị ban hành tùy từng thời điểm, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở hoạt động ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị, các vấn đề liên quan đến hoạt động của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác, và các quy định cụ thể về hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban, Ban thuộc Hội đồng quản trị. Để tránh hiểu nhầm, Quy chế quản lý nội bộ sẽ không bao gồm các quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc;	- “ <b>Các</b> Quy chế quản lý nội bộ” là các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động <b>quản trị</b> , quản lý và điều hành Công ty, và các hoạt động hoặc vấn đề liên quan khác do Hội đồng quản trị ban hành tùy từng thời điểm, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở hoạt động ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị, <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty;</b> các vấn đề liên quan đến hoạt động của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác; và các quy định cụ thể về hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban, Ban thuộc Hội đồng quản trị. Để tránh hiểu nhầm, <b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ sẽ không bao gồm các quy chế thuộc thẩm quyền	Bổ sung để làm rõ và mở rộng phạm vi Quy chế quản lý nội bộ của công ty.  Những điều khoản tham chiếu đến thuật ngữ “Quy chế quản lý nội bộ” sẽ được thay thế bằng “Các Quy chế quản lý nội bộ”.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc;	
2	<b>ĐIỀU 3: TÊN VÀ LOGO CÔNG TY</b>  [...]  4. Biểu tượng (logo):	<b>ĐIỀU 3: TÊN <del>VÀ LOGO</del> CÔNG TY</b>  [...]  <del>4. Biểu tượng (logo):</del>	Logo là nội dung không bắt buộc phải có trong Điều lệ công ty.  Ngoài ra, nếu để logo trong Điều lệ, công ty phải trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ nếu có thay đổi về logo.
3	<b>ĐIỀU 4: TRỤ SỞ CÔNG TY</b>  1. Trụ sở chính: - Địa chỉ: 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	<b>ĐIỀU 4: TRỤ SỞ CÔNG TY</b>  1. Trụ sở chính: - Địa chỉ: 170E Phan Đăng Lưu, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	Đổi thông tin địa chỉ trụ sở chính phù hợp với thực tế.
4	<b>ĐIỀU 5: HÌNH THỨC VÀ TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG</b>	<b>ĐIỀU 5: <del>[BỊ XÓA BỎ]</del></b>	Pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không yêu cầu phải có điều khoản về hình thức và tư cách hoạt động.
5	<b>ĐIỀU 6: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>	<b>ĐIỀU 6: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>	Bổ sung theo Điều 5 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>[...]</p> <p>2. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh:</p> <p>[Bảng ngành nghề kinh doanh]</p>	<p>[...]</p> <p>2. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh:</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành, nghề quy định tại khoản 3, Điều này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p> <p>3. Ngành, nghề kinh doanh:</p> <p>[Bảng ngành nghề kinh doanh]</p>	
6	<b>ĐIỀU 7: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG</b>	<b>ĐIỀU 7: <span style="color: red;">[BỊ XÓA BỎ]</span></b>	Theo Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC), thời hạn hoạt động của công ty có thể là vô thời hạn.
7	<b>ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</b> <p>1. Quyền</p> <p>[...]</p>	<b>ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY</b> <p>1. Quyền</p> <p>[...]</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>1.6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;</p> <p>1.7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;</p>	<p>1.6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh <b>và quy định của pháp luật lao động;</b></p> <p>1.7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; <b>được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;</b></p>	<p>Bổ sung theo Điều 7.6 của LDN 2020.</p> <p>Bổ sung theo Điều 7.7 của LDN 2020.</p>
	<p>2. Nghĩa vụ:</p> <p>2.1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;</p> <p>2.4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định</p>	<p>2. Nghĩa vụ:</p> <p>2.1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, <b>ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài</b> theo quy định của pháp luật về đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;</p> <p>2.4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt</p>	<p>Bổ sung theo Điều 8.1 của LDN 2020.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 8.5 của LDN 2020.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong Công ty; không được <b>sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em</b> ; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;	đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong Công ty; không được <b>ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật</b> ; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện <b>chính sách</b> , chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;	
	[Không quy định]	<b>2.10. Nghĩa vụ khác theo quy định của luật có liên quan.</b>	Bổ sung theo Điều 8.6 của LDN 2020.
8	<b>ĐIỀU 9: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>  1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án, và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	<b>ĐIỀU 9: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>  1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách <b>người yêu cầu giải quyết việc dân sự</b> , nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án, và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Bổ sung theo Điều 12.1 của LDN 2020.



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>2. Công ty có hai (2) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc với các thông tin cá nhân như sau:</p> <p>[Các thông tin cá nhân của Bà Cao Thị Dung và Ông Lê Trí Thông]</p>	<p>2. Công ty có hai (2) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.<del>với các thông tin cá nhân như sau:</del></p> <p><del>[Các thông tin cá nhân của Bà Cao Thị Dung và Ông Lê Trí Thông]</del></p>	<p>Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không bắt buộc công ty phải ghi thông tin cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật.</p> <p>Ngoài ra, nếu để thông tin người đại diện theo pháp luật trong Điều lệ, công ty phải trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Điều lệ nếu có bất kỳ thay đổi nào về thông tin của người đại diện theo pháp luật.</p>
	<p>3. Trách nhiệm của mỗi người đại diện theo pháp luật được xác định theo các quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	<p>3. <b>Quyền, nghĩa vụ và</b> trách nhiệm của mỗi người đại diện theo pháp luật được xác định theo các quy định tại Điều lệ này, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty, Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị, <b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 12.2 của LDN 2020.</p>
	<p>4. Công ty bảo đảm <b>những</b> người đại diện theo pháp luật của Công ty <b>thường trú</b> tại Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người</p>	<p>4. Công ty bảo đảm <b>luôn có ít nhất một (1)</b> người đại diện theo pháp luật của Công ty <b>cư trú</b> tại Việt Nam. <b>Khi chỉ còn lại một (1)</b> người đại diện theo pháp luật của Công ty <b>cư trú tại Việt Nam thì người này</b> phải ủy quyền bằng văn</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 12.3 của LDN 2020.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	đại diện theo pháp luật trước khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.	bản cho người khác <b>cư trú tại Việt Nam</b> thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trước khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.	
	5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4, Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định khác.	5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4, Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi <b>người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc</b> Hội đồng quản trị có quyết định <b>cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</b>	Bổ sung theo Điều 12.4(b) của LDN 2020.
	[Không quy định]	<b>6. Trường hợp Công ty chỉ còn một (1) người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy</b>	Bổ sung theo Điều 12.5 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.	
	[Không quy định]	7. Ngoài các trường hợp được quy định tại Điều này, người đại diện theo pháp luật có quyền ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.	Bổ sung để làm rõ việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật.
9	<b>ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>  1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:  [...]	<b>ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>  1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây: [...]	Chỉnh sửa theo Điều 13.1(c) của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	1.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về <b>việc</b> người đại diện đó và người có liên quan của họ, có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của <b>chi phối tại các doanh nghiệp khác</b> .	1.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về <b>doanh nghiệp mà</b> người đại diện <b>theo pháp luật</b> đó và người có liên quan của họ <b>làm chủ</b> , có cổ phần, phần vốn góp <b>theo quy định tại Luật Doanh nghiệp</b> .	
10	<b>ĐIỀU 11: CON DẤU</b>  [...]  3. Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo các quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	<b>ĐIỀU 11: CON DẤU</b>  [...]  3. Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo các quy định của <b>pháp luật</b> , Điều lệ Công ty và <b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	Bổ sung để làm rõ trách nhiệm quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu.
	[Không quy định]	<b>4. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</b>	Bổ sung theo Điều 58.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
11	<b>ĐIỀU 12: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY</b>	<b>ĐIỀU 12: NGUYÊN TẮC - CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY</b>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[...]  [Không quy định]	[...]  3. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm có: a) Đại hội đồng cổ đông; b) Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, và các Ủy ban, Tiểu ban, Ban khác (nếu có) trực thuộc Hội đồng Quản trị; và c) Tổng Giám đốc.	Bổ sung để làm rõ.
	4. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.	4. Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</b> , là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.	Bổ sung để làm rõ.
	[Không quy định]	5. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.	Bổ sung để làm rõ.
	4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Công ty.	6. Đại hội đồng cổ đông bầu <b>thành viên</b> Hội đồng quản trị để quản lý Công ty.	Bổ sung để làm rõ.
	5. Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, là người điều hành	7. Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị <b>thuê</b> , bổ nhiệm và miễn nhiệm, là người điều hành hoạt	Bổ sung theo Điều 162.1 và Điều 162.2 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	hoạt động hàng ngày của Công ty.	động, công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.	
	Không quy định	8. Các thành viên Ban Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc, hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.	Bổ sung để làm rõ vai trò của Ban Giám đốc.
	6. Hội đồng quản trị có quyền lập các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban để hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty và/hoặc nhóm công ty do Công ty là công ty mẹ.	9. Hội đồng quản trị có quyền lập các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban để hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty và/hoặc Nhóm Công Ty.	Chỉnh sửa thuật ngữ.
12	<p><b>ĐIỀU 14: VỐN ĐIỀU LỆ</b></p> <p>[...]</p> <p>2. <b>Vốn điều lệ được góp bằng</b> Đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc <b>bằng hiện vật</b> và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam (VNĐ).</p>	<p><b>ĐIỀU 14: VỐN ĐIỀU LỆ</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam, và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam (VNĐ).</p>	Chỉnh sửa theo Điều 34.1 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	3. Công ty không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc chia tài sản của Công ty cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp giảm Vốn điều lệ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	3. Công ty không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc chia tài sản của Công ty cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp giảm Vốn điều lệ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp <b>hoặc các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.</b>	Bổ sung để làm rõ ngoại lệ liên quan đến sử dụng vốn điều lệ.
13	<p><b>ĐIỀU 15: TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ</b></p> <p>1. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, bằng các phương thức:</p> <p>1.1. Phát hành thêm Cổ phần hoặc mua lại Cổ phần đã phát hành theo quy định <b>tại</b>, Điều lệ này và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;</p> <p>1.2. <b>Tái đầu tư một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối; hoặc</b></p>	<p><b>ĐIỀU 15: TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ</b></p> <p>1. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, bằng các phương thức:</p> <p>1.1. Phát hành thêm Cổ phần hoặc mua lại Cổ phần đã phát hành, <b>hoặc hoàn trả phần vốn góp cho Cổ đông</b> theo quy định <b>pháp luật</b>, Điều lệ này và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; <b>hoặc</b></p> <p>1.2. <b>Các phương thức khác phù hợp với quy định pháp luật.</b></p>	<p>Bổ sung theo Điều 112.5(a) của LDN 2020.</p> <p>Theo pháp luật hiện hành, phương thức tăng vốn điều lệ là phát hành thêm cổ phần</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	1.3. Chuyển các quỹ dự trữ, tích lũy thành Vốn điều lệ.	<del>1.3. Chuyển các quỹ dự trữ, tích lũy thành Vốn điều lệ.</del>	
	2. Công ty thay đổi Vốn điều lệ trong trường hợp Công ty mua lại Cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133, Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133, Luật Doanh nghiệp được coi là Cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112, Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	2. Công ty thay đổi Vốn điều lệ trong trường hợp Công ty mua lại Cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133, Luật Doanh nghiệp. <del>Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133, Luật Doanh nghiệp được coi là Cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112, Luật Doanh nghiệp.</del> Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Chỉnh sửa theo Điều 36.5 của LCK 2019.  Hiện tại, công ty không được mua cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ.
	3. Cổ phần phát hành thêm phải được cập nhật đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu Cổ phần.	3. Cổ phần phát hành thêm phải được <b>đăng ký chứng khoán và</b> cập nhật đầy đủ vào <del>Sổ đăng ký cổ đông và Giấy</del> chứng nhận sở hữu Cổ phần (nếu có).	Công ty niêm yết không có sổ đăng ký cổ đông.



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
14	<p><b>ĐIỀU 16: VỐN HUY ĐỘNG KHÁC</b></p> <p>1. Công ty được quyền huy động vốn khác ngoài Vốn điều lệ phục vụ sản xuất kinh doanh theo các phương thức dưới đây.</p> <p>[...]</p> <p>1.3. Vay cá nhân trong và ngoài Công ty; hoặc</p> <p>1.4. Vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>[Không quy định]</p>	<p><b>ĐIỀU 16: VỐN HUY ĐỘNG KHÁC</b></p> <p>1. Công ty được quyền huy động vốn khác ngoài Vốn điều lệ phục vụ sản xuất kinh doanh theo các phương thức dưới đây.</p> <p>[...]</p> <p>1.3. Vay cá nhân, <b>tổ chức</b> trong và ngoài Công ty; <del>hoặc</del></p> <p>1.4. Vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật; <b>hoặc</b></p> <p><b>1.5. Các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.</b></p>	Bổ sung để tạo sự linh động trong việc huy động vốn.
15	<p><b>ĐIỀU 17: CỔ PHẦN</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Toàn bộ Cổ phần của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.</p>	<p><b>ĐIỀU 17: CỔ PHẦN</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Toàn bộ Cổ phần của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông <b>và cổ phần ưu đãi (nếu có).</b></p>	Bổ sung để làm rõ các loại cổ phần của công ty.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	4. Công ty có thể phát hành Cổ phần phổ thông với giá ưu đãi cho người lao động của Công ty.	4. Công ty có thể phát hành Cổ phần <b>phổ thông</b> với giá ưu đãi cho người lao động của Công ty.	Chỉnh sửa để tạo sự linh động cho công ty khi phát hành cổ phần ESOP cho người lao động.
	<p>5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>5.2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số <b>Cổ phần có quyền biểu quyết có mặt</b> tại cuộc họp và trên 50% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản ; và</p>	<p>5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần. Giá chào bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>5.2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số <b>phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> và trên 50% tổng số <b>phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</b> trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản; và</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 148.1 và Điều 148.4 của LDN 2020.</p> <p>Bổ sung để làm rõ việc ủy quyền hoặc giao quyền của ĐHĐCĐ.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	5.3. Các trường hợp khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định.	5.3. Các trường hợp khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua, hoặc ủy quyền <b>hoặc giao</b> Hội đồng quản trị quyết định.	
	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông <b>hoặc Hội đồng quản trị</b> nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán <b>và Điều lệ này</b> .	Theo Điều 130 của LDN 2020 và Điều 13.2 của NĐ 153/2020/NĐ-CP, HĐQT có quyền quyết định phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi không kèm chứng quyền nếu Điều lệ không quy định khác.
	9. Công ty có thể phát hành Cổ phần ghi danh và hạn chế điều kiện chuyển nhượng đối với Cổ phần của người lao động của Công ty và các Cổ đông chiến lược theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<del>9. Công ty có thể phát hành Cổ phần ghi danh và hạn chế điều kiện chuyển nhượng đối với Cổ phần của người lao động của Công ty và các Cổ đông chiến lược theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</del>	Pháp luật hiện hành không còn cổ phần ghi danh.
16	<b>ĐIỀU 18: CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC</b>  1. Cổ phiếu là <b>chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ</b> xác nhận quyền sở hữu một <b>hoặc một số Cổ phần</b> trong Công ty.  2. Cổ đông được cấp <b>Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần</b> tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ	<b>ĐIỀU 18: CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC</b>  1. Cổ phiếu là <b>loại chứng khoán</b> xác nhận quyền <b>và lợi ích hợp pháp của người</b> sở hữu một <b>phần vốn cổ phần</b> trong Công ty.  2. Cổ đông được cấp <b>chứng nhận cổ phiếu</b> tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở	Chỉnh sửa theo Điều 7.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).  Chỉnh sửa theo Điều 7.1 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	phần sở hữu.	hữu.	
	3. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại Cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	3. Cổ phiếu phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1, Điều 121, Luật Doanh nghiệp.	Chỉnh sửa theo Điều 7.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	4. Các Cổ đông sau khi đã nộp đủ tiền mua Cổ phần của Công ty, được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, được nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả Cổ phần của mình.	<del>4. Các Cổ đông sau khi đã nộp đủ tiền mua Cổ phần của Công ty, được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, được nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả Cổ phần của mình.</del>	Xóa vì đã có điều 17.5 ở dưới.
	5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu Cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng, hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số Cổ phần đã thanh toán đủ sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu Cổ phần không	5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu Cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng, hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số Cổ phần đã thanh toán đủ sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu Cổ phần không phải trả cho Công	Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	phải trả cho Công ty chi phí in chứng <b>chỉ</b> cổ phiếu hoặc bất kỳ chi phí nào khác.	ty chi phí in chứng <b>nhận</b> cổ phiếu <del>hoặc bất kỳ chi phí nào khác.</del>	
	6. Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa, hay bị mất, Cổ đông có thể đề nghị đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	6. Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa, <del>hay</del> bị mất <b>hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác</b> , Cổ đông có thể đề nghị đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. <b>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm thông tin về cổ phiếu đã bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa, bị mất hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, và cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</b>	Chỉnh sửa theo Điều 121.3 của LDN 2020; Điều 7.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	7. Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.	<del>7. Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.</del>	Nội dung này không áp dụng cho công ty niêm yết.
	8. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty, trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	8. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty, <del>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự,</del> sẽ được phát hành có dấu và chữ ký <b>mẫu</b> của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	Chỉnh sửa theo Điều 8 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
17	<b>ĐIỀU 19: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN</b> [...]	<b>ĐIỀU 19: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN</b> [...]	Xóa bỏ vì không phù hợp với công ty niêm yết.
	2. Cổ phần đã được chuyển nhượng sau khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định vào Sổ đăng ký cổ đông, người nhận chuyển nhượng Cổ phần sẽ trở thành Cổ đông của Công ty kể từ thời điểm đó.	<del>2. Cổ phần đã được chuyển nhượng sau khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định vào Sổ đăng ký cổ đông, người nhận chuyển nhượng Cổ phần sẽ trở thành Cổ đông của Công ty kể từ thời điểm đó.</del>	
	3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn Cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn Cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán, và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	Bổ sung theo Điều 9.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
18	<b>ĐIỀU 20: THU HỒI CỔ PHẦN</b>  [Toàn bộ nội dung]	<b>ĐIỀU 20: THU HỒI CỔ PHẦN</b>  Công ty thực hiện việc thu hồi Cổ phần (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.	Điều khoản về thu hồi cổ phần chỉ áp dụng khi thành lập công ty.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
19	<b>ĐIỀU 21: THỪA KẾ CỔ PHẦN</b>  [...]  3. Trong trường hợp Cổ đông đã qua đời, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của Cổ đông này sẽ được Công ty thừa nhận là người, hoặc những người duy nhất kế thừa quyền hưởng lợi số Cổ phần này. [...]	<b>ĐIỀU 21: THỪA KẾ CỔ PHẦN</b>  [...]  3. Trong trường hợp Cổ đông đã qua đời, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của Cổ đông này <b>sẽ</b> được Công ty thừa nhận là người, hoặc những người duy nhất kế thừa quyền hưởng lợi số Cổ phần này. [...]	Theo Điều 127.3 của LDN 2020, người thừa kế trở thành cổ đông của công ty mà không cần thêm thủ tục công ty thừa nhận.
	4. Trường hợp Cổ đông đã qua đời mà không có người thừa kế hợp pháp thì Cổ phần của Cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.	4. Trường hợp Cổ đông đã qua đời mà không có người thừa kế hợp pháp, <b>người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế</b> thì Cổ phần của Cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.	Bổ sung theo Điều 127.4 của LDN 2020.
	5. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, sau khi đăng ký làm chủ sở hữu các Cổ phần được thừa kế, trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế quyền.	5. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, <del>sau khi đăng ký làm chủ sở hữu các Cổ phần được thừa kế</del> , trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế quyền.	Xóa bỏ vì không phù hợp.
20	<b>ĐIỀU 22: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG</b>	<b>ĐIỀU 22: ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN</b>	Sổ đăng ký cổ đông không áp dụng cho công ty niêm yết. Do đó, các tham chiếu

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
			đến “sổ đăng ký cổ đông” sẽ được điều chỉnh phù hợp.
	1. Công ty phải <b>lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông</b> từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.	1. Công ty phải <b>đăng ký chứng khoán tập trung</b> tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.	Chỉnh sửa theo Điều 61.1 của LCK 2019.
	2. <b>Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: [...]</b>	2. <b>[Bị xóa bỏ]</b>	
	3. <b>Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</b>	2. <b>Sổ đăng ký cổ đông (nếu có) được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty <del>hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</del></b>	
	4. Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú/tạm trú/liên lạc đã đăng ký nhận thông báo từ Công ty thì phải thông báo kịp thời với công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc với <b>Trung</b>	3. Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú/tạm trú/liên lạc đã đăng ký nhận thông báo từ Công ty thì phải thông báo kịp thời với công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc với <b>Tổng công ty</b>	



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	tâm lưu ký chứng khoán để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.	lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật.	
21	<p><b>ĐIỀU 23: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua Cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</p>	<p><b>ĐIỀU 23: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG</b></p> <p>[...]</p> <p><del>2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua Cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</del></p>	Xóa bỏ vì công ty niêm yết không có Sổ đăng ký cổ đông.
	<p>4. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được thực hiện theo các quy định sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>4.3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu</p>	<p>3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được thực hiện theo các quy định sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>3.3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	Chỉnh sửa theo Điều 14.4(c) của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>- Họ, tên, địa chỉ <b>thường trú</b>, quốc tịch, số <b>thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> của từng người đại diện theo ủy quyền;</p>	<p>[...]</p> <p>- Họ, tên, địa chỉ <b>liên lạc</b>, quốc tịch, số <b>giấy tờ pháp lý</b> của từng người đại diện theo ủy quyền;</p>	
	<p>5. Người đại diện theo ủy quyền phải có <b>các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây</b>:</p> <p>5.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</p> <p>5.2. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; và</p> <p>5.3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Người điều hành doanh nghiệp; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;</p>	<p>4. Người đại diện theo ủy quyền <b>của Cổ đông</b> phải có <b>năng lực hành vi dân sự đầy đủ</b>.</p> <p><b>5.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</b></p> <p><b>5.2. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; và</b></p> <p><b>5.3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Người điều hành doanh nghiệp; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;</b></p>	<p>Pháp luật hiện hành không cấm vấn đề này.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
22	<p><b>ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG</b></p> <p>Người nắm giữ Cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và pháp luật quy định;</p>	<p><b>ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG <b>PHỔ THÔNG</b></b></p> <p>Người nắm giữ Cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty và pháp luật quy định. <b>Mỗi cổ phần phổ thông có một (1) phiếu biểu quyết;</b></p>	Bổ sung theo Điều 115.1(a) của LDN 2020; Điều 12.1(a) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;	5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc <b>của mình</b> trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;	Bổ sung để làm rõ.
	7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các	7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ, <del>và</del> các Cổ	Bổ sung theo Điều 61.3 của Điều 12.1(a) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	Cổ đông loại khác;	đồng loại khác, và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật;	
	<p>9. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>[...]</p> <p>9.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>[...]</p> <p>9.6. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;</p>	<p>9. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>[...]</p> <p><del>9.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</del></p> <p>[...]</p> <p>9.5. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, <b>hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</b></p>	<p>Xóa bỏ vì nguyên tắc bảo mật thông tin cá nhân của cổ đông.</p> <p>Bổ sung theo Điều 115.2(a) của LDN 2020; Điều 12.2(b) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) và đảm bảo thể hiện trụ cột về quyền cổ đông trong Khung và NT QTCT</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	10. Được đối xử bình đẳng;	10. Được đối xử bình đẳng. <b>Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông. Cổ đông được tiếp cận thông tin theo quy định tại Quy chế cung cấp thông tin của Công ty;</b>	Bổ sung theo Điều 12.1(i) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
23	<b>ĐIỀU 25: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG</b>  Cổ đông có nghĩa vụ sau:  1. Tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, chấp hành nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức, cơ quan khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;	<b>ĐIỀU 25: <del>TRÁCH NHIỆM VÀ</del> NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</b>  Cổ đông có nghĩa vụ sau:  1. Tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty, chấp hành nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, <b>Hội đồng quản trị</b> và tổ chức, cơ quan khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;	Bổ sung theo Điều 119.4 của LDN 2020; Điều 13.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	4. Trong thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các Cổ đông không được rút vốn Cổ	4. <del>Trong thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,</del> <b>các</b> Cổ đông không được rút vốn Cổ phần dưới	Bổ sung theo Điều 119.2 của LDN 2020; Điều 13.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần;	bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. <b>Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;</b>	
	5. Cung cấp địa chỉ thư tín, thư điện tử và số điện thoại chính xác khi được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, khi đăng ký mua Cổ phần, và khi có yêu cầu của Công ty;	5. Cung cấp địa chỉ thư tín, thư điện tử và số điện thoại chính xác <del>khi được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông</del> , khi đăng ký mua Cổ phần, và khi có yêu cầu của Công ty;	Pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không quy định nghĩa vụ này.
	11. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	11. Nghĩa vụ khác theo quy định của <del>Luật Doanh nghiệp và</del> Điều lệ Công ty, <b>Quy chế nội bộ về quản trị công ty và pháp luật có liên quan.</b>	Bổ sung để làm rõ nghĩa vụ của cổ đông.
24	<b>ĐIỀU 26: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN</b>  1. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông, hoặc người đại diện được	<b>ĐIỀU 26: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN</b>  1. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi <b>hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với loại Cổ phần ưu đãi đó</b> chỉ có giá trị khi	Bổ sung theo Điều 17.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	ủy quyền của họ , và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của loại Cổ phần ưu đãi đó đã được phát hành. [...]	có tối thiểu hai (02) Cổ đông, hoặc người đại diện được ủy quyền của họ , và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của loại Cổ phần ưu đãi đó đã được phát hành. [...]	
	2. Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp riêng biệt như nêu tại khoản 1, Điều này được thực hiện tương tự như tổ chức và tiến hành các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định <b>tại</b> Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.	2. Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp riêng biệt như nêu tại khoản 1, Điều này được thực hiện tương tự như tổ chức và tiến hành các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định <b>của pháp luật</b> , Điều lệ này và Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty.	Chỉnh sửa để làm rõ.
	3. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số <b>Cổ phần phổ thông</b> của tất cả các Cổ đông tham dự cuộc họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% <b>quyền</b> biểu quyết của loại Cổ phần ưu đãi đó tham dự cuộc họp thông qua.	3. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số <b>phiếu biểu quyết</b> của tất cả các Cổ đông tham dự cuộc họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% <b>phiếu</b> biểu quyết của loại Cổ phần ưu đãi đó tham dự cuộc họp thông qua.	Chỉnh sửa theo Điều 148.6 của LDN 2020; Điều 17.1 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
25	<b>ĐIỀU 28: ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Cổ đông, có tên trong danh sách Cổ đông có	<b>ĐIỀU 28: ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Cổ đông, <b>người đại diện theo ủy quyền của</b>	Bổ sung theo Điều 144.1 của LDN 2020; Điều 16.1 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện được ủy quyền dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền dự họp thì phải xác định cụ thể số lượng Cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	<b>cổ đông là tổ chức</b> , có tên trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện được ủy quyền dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ này và Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền dự họp thì phải xác định cụ thể số lượng Cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	
	3. Người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	3. Người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền <b>khi đăng ký dự họp</b> trước khi vào phòng họp. <b>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</b>	Chỉnh sửa và bổ sung theo 144.2 của LDN 2020; Điều 16.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó nếu trước đó chưa được đăng ký với Công ty.	<del>4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó nếu trước đó chưa được đăng ký với Công ty.</del>	Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không quy định và luật sư cũng là người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 3.



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[...]	[...]	
26	<p><b>CHƯƠNG III</b>  <b>CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY</b></p> <p><b>ĐIỀU 29: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY</b></p> <p>[...]</p>	<p><b>CHƯƠNG III</b>  <b><del>CƠ CẤU</del> TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ VÀ <del>KIỂM SOÁT</del> CÔNG TY</b></p> <p><b>ĐIỀU 29: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ VÀ <del>KIỂM SOÁT</del> CÔNG TY</b></p> <p>Công ty lựa chọn cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 137, Luật Doanh nghiệp.</p>	Chỉnh sửa đơn giản từ ngữ.
27	<p><b>ĐIỀU 30: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>[...]</p> <p>1.7. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn</p>	<p><b>ĐIỀU 30: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>[...]</p> <p>1.7. Quyết định <b>đầu tư</b>, phương án đầu tư, dự</p>	Bổ sung theo Điều 138.2(d) của LDN 2020; Điều 15.1(d) của Điều lệ mẫu (PL1 đính

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>[...]</p> <p>1.9. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;</p> <p>[...]</p> <p>1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán <b>độc lập</b>; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>[...]</p> <p>1.9. Xem xét và xử lý các vi phạm của <b>thành viên</b> Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty;</p> <p>[...]</p> <p>1.12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán <b>được chấp thuận</b>; quyết định công ty kiểm toán độc lập <b>được chấp thuận</b> thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; <b>và</b></p>	<p>kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung theo Điều 138.2(h) của LDN 2020; Điều 15.1(h) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 15.1(m) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, do Hội đồng quản trị triệu tập, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, do Hội đồng quản trị triệu tập, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn <b>hoặc hoãn</b> họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết</p>	<p>Bổ sung để mở rộng các trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ không đúng hạn.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.	thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.	
	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p>4.3. Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>4.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p>4.3. Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên <b>tối thiểu</b> theo quy định của pháp luật, <b>hoặc</b> số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, <b>hoặc số thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</b></p> <p>4.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản, <b>có đầy đủ nội dung và tài liệu</b></p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 140.1(b) và Điều 160.4 của LDN 2020; Điều 14.3(b) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung theo Điều 140.1(c) của LDN 2020; Điều 14.3(c) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung trường hợp triệu tập họp ĐHĐCĐ.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan; hoặc</p> <p>[...]</p>	<p>theo quy định tại khoản 4, Điều 115, Luật Doanh nghiệp, nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan; hoặc</p>	
	<p>5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 4.3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5.1, Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p>	<p>5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường <b>khí xảy ra các trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều này trong thời hạn như sau:</b></p> <p><b>a) khi xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 4.2: trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày ban hành báo cáo tài chính;</b></p> <p><b>b) khi xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 4.3: trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm</b></p>	<p>Bổ sung để làm rõ thời hạn triệu tập ĐHĐCĐ khi vốn chủ sở hữu tại BCTC giám quá 1/2.</p> <p>Chỉnh sửa để làm rõ các trường hợp triệu tập họp ĐHĐCĐ.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>5.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5.1, Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 4.4 Điều này có quyền <b>thay thế Hội đồng quản trị</b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định . Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông</p>	<p>quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, hoặc số thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; và</p> <p>c) khi xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 4.4: trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5.1, Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>5.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5.1, Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 4.4 Điều này có quyền <b>yêu cầu đại diện Công ty</b> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.</p> <p>Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 14.4(c) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát <b>việc triệu tập và tiến hành họp</b> nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>[...]</p> <p>[Không quy định]</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>đồng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát <b>trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>[...]</p> <p><b>5.4. Trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại khoản này được thực hiện theo Điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Điều lệ này.</b></p> <p><b>5.5. Trừ trường hợp quy định tại điểm 5.1 Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất.</b></p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 140.4 của LDN 2020; Điều 14.4(c) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung để làm rõ quy định về trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp ĐHĐCĐ.</p> <p>Bổ sung để làm rõ thời điểm triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT.</p>
	<p>6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết.</p>	<p>6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết.</p> <p>[...]</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 145 của LDN 2020; Điều 19 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>[...]</p> <p>6.2. [...]. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của các Cổ đông dự họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>6.2. [...]. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của các Cổ đông dự họp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	
	<p>7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ không cho phép, Đại hội đồng cổ đông có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền phải được thể hiện <b>trong một nghị quyết/quyết định</b> và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.</p>	<p>7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ không cho phép, Đại hội đồng cổ đông có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị, <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>, và/hoặc Tổng Giám đốc <del>và/hoặc các chủ thể có liên quan khác</del> thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền phải được thể hiện <b>bằng văn bản</b> và xác định rõ ràng, cụ thể chủ thể, nội dung, thời hạn và điều kiện ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với Điều 60.7 của Điều lệ.</p> <p>Theo Điều 60.7 của Điều lệ, ĐHĐCĐ có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các thành viên HĐQT, ủy ban, tiểu ban và ban.</p>

28	<p><b>ĐIỀU 31: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua quyết định các vấn đề sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>[...]</p> <p><b>2.3.</b> Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% <b>một loại Cổ phần phát hành;</b></p> <p>[...]</p> <p><b>2.12.</b> Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>[...]</p>	<p><b>ĐIỀU 31: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <del>thường niên</del> có quyền thảo luận và thông qua quyết định các vấn đề sau đây:</p> <p>[...]</p> <p><del>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định về các vấn đề sau:</del></p> <p>[...]</p> <p><b>1.8.</b> Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% <b>tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;</b></p> <p>[...]</p> <p><b>1.17.</b> Kiểm tra và xử lý các vi phạm của <b>thành viên</b> Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>[...]</p>	<p>Gộp khoản 1 và khoản 2 để rõ ràng hơn về các vấn đề mà ĐHĐCĐ được thông qua.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 138.2(g) của LDN 2020.</p> <p>Bổ sung theo Điều 138.2(h) của LDN 2020; Điều 15.1(h) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>
----	---	--	--



	<p><b>2.16.</b> Công ty ký kết hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 167, Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>1.21.</b> Công ty ký kết hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 167, Luật Doanh nghiệp, Người quản lý doanh nghiệp khác và Người có liên quan của họ;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 293.4(b) của NĐ 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p><b>2.17.</b> Các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và những Người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính;</p>	<p><b>1.22.</b> Các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và những Người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 293.4(a) của NĐ 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	2. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	2. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông <del>tại cuộc họp gần nhất</del> thông qua trước khi thực hiện.	Chỉnh sửa phù hợp với thực tế tại Công ty.
	[Không quy định]	3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Điều 15.3 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
29	<b>ĐIỀU 32: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, và tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.	<b>ĐIỀU 32: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, <b>Điều lệ này</b> , và tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật <b>và Điều lệ này</b> .	Bổ sung để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán trên trang thông tin điện tử của Công ty. [...]	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán <b>noi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch</b> , trên trang thông tin điện tử của Công ty. [...]	Bổ sung theo Điều 18.3 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số Cổ phần phổ thông có quyền đề xuất bằng văn bản chính thức về các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng <b>và</b> loại Cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình cuộc họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số Cổ phần phổ thông có quyền đề xuất bằng văn bản chính thức về các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng <b>từng</b> loại Cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình cuộc họp.	Chỉnh sửa theo Điều 142.2 của LDN 2020; Điều 18.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị được quy định tại khoản 4, Điều này trong các trường hợp sau:	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị được quy định tại khoản 4, Điều này trong các trường hợp sau, <b>và phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do chậm nhất là hai (2) ngày làm việc trước ngày</b>	Bổ sung theo Điều 142.3 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>[...]</p> <p>5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; hoặc</p> <p>5.4. Kiến nghị không phù hợp với các quy định pháp luật.</p> <p>[Không quy định]</p>	<p><b>khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</b></p> <p>5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung <b>theo quy định tại khoản 4, Điều này;</b></p> <p>[...]</p> <p>5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; <del>hoặc</del></p> <p>5.4. Kiến nghị không phù hợp với các quy định pháp luật; <del>hoặc</del></p> <p><b>5.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.</b></p>	<p>Bổ sung để làm rõ tham chiếu.</p> <p>Bổ sung theo Điều 18.5(d) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>
	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định tại khoản 4, Điều này vào dự kiến chương trình cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5, Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số Cổ</p>	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định tại khoản 4, Điều này vào dự kiến chương trình cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5, Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số Cổ đông đại diện cho ít nhất</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 142.4 của LDN 2020; Điều 18.6 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	đồng đại diện cho ít nhất 65% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự họp tán thành.	65% tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự <b>và biểu quyết tại cuộc</b> họp tán thành.	
	7. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình cuộc họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3, Điều này nếu được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự họp tán thành.  [...]	7. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình cuộc họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3, Điều này nếu được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự <b>và biểu quyết tại cuộc</b> họp tán thành.  [...]	Chỉnh sửa theo quy định pháp luật hiện hành.
30	<b>ĐIỀU 33: THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:  [...]  1.2. Ủy quyền cho <b>một người</b> khác tham dự và	<b>ĐIỀU 33: THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:  [...]  1.2. Ủy quyền cho <b>cá nhân hoặc tổ chức</b> khác	Chỉnh sửa theo Điều 144.3(b) của LDN

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>1.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc</p> <p>1.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>1.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; <del>hoặc</del></p> <p>1.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; <b>hoặc</b></p> <p><b>1.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị.</b></p>	<p>2020.</p> <p>Bổ sung theo Điều 144.3(đ) của LDN và điều chỉnh phù hợp để công ty linh động hơn trong việc biểu quyết.</p>
	<p>2. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp và thực hiện cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đã đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền dự họp và số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của Cổ đông đó.</p>	<p>2. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, <b>trước khi khai mạc cuộc họp</b>, Công ty phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp và thực hiện <b>việc đăng ký</b> cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đã đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền dự họp và số <b>phiếu</b> biểu quyết của Cổ đông đó.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 20.1 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 20.1(a) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký dự họp ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muợn đăng ký dự họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muợn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	3. Cổ đông, <b>người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền</b> đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký dự họp ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp <b>ngay sau khi đăng ký</b> . Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông, <b>người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền</b> đến muợn đăng ký dự họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông, <b>người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền</b> đến muợn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	Chỉnh sửa theo Điều 20.1(b) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <b>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</b> các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp (i) Chủ tịch <b>Hội đồng quản trị không ủy quyền cho người khác, (ii) Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được ủy quyền</b> vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo	Bổ sung theo Điều 146.2(a) của LDN 2020; Điều 20.2(a) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	nhất làm chủ tọa cuộc họp.	nguyên tắc đa số. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
	7. Chủ tọa của cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số <b>Cổ đông</b> tham dự.	7. Chủ tọa của cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, <b>đúng theo chương trình đã được thông qua</b> ; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số <b>người tham dự họp</b> .	Chỉnh sửa theo Điều 146.4 của LDN 2020; Điều 20.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8, Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những <b>Cổ đông tham dự</b> để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.	9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8, Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những <b>người dự họp</b> để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.	Chỉnh sửa phù hợp với thực tế.
	10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp	10. Hội đồng quản trị, <b>người triệu tập họp hoặc chủ tọa</b> có thể yêu cầu Cổ đông hoặc người đại	Bổ sung theo Điều 146.7 của LDN 2020; Điều 20.7 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc biện pháp an ninh nói trên hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, Hội đồng quản trị sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối việc tham dự cuộc họp hoặc trục xuất Cổ đông hoặc người đại diện nói trên.	diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc biện pháp an ninh nói trên hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp, Hội đồng quản trị, <b>người triệu tập họp hoặc chủ tọa</b> , sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể <b>yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp</b> , từ chối việc tham dự cuộc họp hoặc trục xuất Cổ đông hoặc người đại diện nói trên.	TT116/2020/TT-BTC).
	11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:  [...]	11. Hội đồng quản trị <b>hoặc chủ tọa</b> , sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được <b>Hội đồng quản trị</b> cho là thích hợp để:  [...]	Chỉnh sửa theo Điều 20.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	14. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;	14. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. <b>Tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết/quyết định được thu trước, số thẻ không</b>	Bổ sung theo Điều 20.1(a) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		tán thành nghị quyết/quyết định được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;	
31	<p><b>ĐIỀU 34: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP</b></p> <p>1. Mỗi Cổ đông tham dự cuộc họp khi biểu quyết được tính số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết bằng số Cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu và/hoặc đại diện cho Cổ đông khác.</p>	<p><b>ĐIỀU 34: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP</b></p> <p>1. Mỗi Cổ đông tham dự cuộc họp khi biểu quyết được tính số <b>phiếu</b> biểu quyết bằng số Cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu và/hoặc đại diện cho Cổ đông khác.</p>	Chỉnh sửa theo Điều 115.1(a) của LDN 2020.
	<p>2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, và 7, Điều này và khoản</p>	<p>2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp <b>và biểu quyết tại cuộc họp</b> tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, và 7, Điều này và khoản 10,</p>	Chỉnh sửa theo Điều 148.2 của LDN 2020; Điều 21.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	10, Điều 36, Điều lệ này.	Điều 36, Điều lệ này.	
	<p>3. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp liên quan đến các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>3.1. Định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>3.2 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</p> <p>3.3. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>3.4. Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty;</p> <p>3.5. Việc tăng/giảm Vốn điều lệ của Công ty;</p> <p>3.6. Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>3.7. Mua lại trên 10% tổng số Cổ phần đã bán</p>	<p>3. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp liên quan đến các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp <b>và biểu quyết tại cuộc họp</b> tán thành:</p> <p><del>3.1. Định hướng phát triển của Công ty;</del></p> <p><del>3.2 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</del></p> <p>3.3. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>3.4. Thay đổi <b>cơ cấu</b> tổ chức quản lý <b>và hoạt động</b> của Công ty;</p> <p><del>3.5. Việc tăng/giảm Vốn điều lệ của Công ty;</del></p> <p>3.6. Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p><del>3.7. Mua lại trên 10% tổng số Cổ phần đã bán</del></p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 148.1 của LDN 2020; Điều 21.1 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 148.1(a) của LDN 2020; Điều 21.1(a) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>của mỗi loại;</p> <p>3.8. Bán Cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược;</p> <p>3.9. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi cho đối tác chiến lược;</p> <p>3.10. Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>3.11. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	<p><del>của mỗi loại;</del></p> <p><del>3.8. Bán Cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược;</del></p> <p><del>3.9. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi cho đối tác chiến lược;</del></p> <p>3.10. Dự án đầu tư hoặc <del>mua</del>, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>3.11. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	
	<p>4. [...]. Lưu ý, trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị <b>có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến)</b>. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được</p>	<p>4. [...]. Lưu ý, trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị <b>được thực hiện theo Quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua</b>. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2, Điều 34, Điều lệ Công ty hoặc khoản 10, Điều 36, Điều lệ Công ty.</p>	<p>Chỉnh sửa để tránh trường hợp không rõ ràng khi chưa xác định được chủ thể có quyền quyết định lựa chọn phương thức bầu thành viên HĐQT.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	thực hiện theo khoản 2, Điều 34, Điều lệ Công ty hoặc khoản 10, Điều 36, Điều lệ Công ty.		
	5. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết/quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.	5. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, <b>và</b> thủ tục <b>triệu tập họp và</b> thông qua nghị quyết/quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định <b>của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</b> .	Bổ sung theo Điều 152.2 của LDN 2020; Điều 21.3 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
32	<p><b>ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p>	<p><b>ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>1.5. Số Cổ đông và tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của</p>	Chỉnh sửa theo Điều 150.1(e) của LDN

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>1.5. Số Cổ đông và tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông; người đại diện được uỷ quyền dự họp với số Cổ phần <b>có quyền</b> biểu quyết tương ứng; [...]</p> <p>1.7. Tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự họp;</p> <p>1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết thông qua tương ứng; và</p> <p>1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>tất cả các Cổ đông tham dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông; người đại diện được uỷ quyền dự họp với số Cổ phần <b>và số phiếu</b> biểu quyết tương ứng; [...]</p> <p>1.7. Tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự họp;</p> <p>1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ <b>phiếu</b> biểu quyết thông qua tương ứng; và</p> <p>1.9. <b>Họ tên</b>, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p><b>Trường hợp (i) chủ tọa hoặc thư ký, hoặc (ii) cả chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành</b></p>	<p>2020; Điều 23.1(e) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 150.1(g) của LDN 2020; Điều 23.1(g) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 150.1(h) của LDN 2020; Điều 23.1(h) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung theo Điều 150.1(i) của LDN 2020; Điều 23.1(i) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc (i) chủ tọa hoặc thư ký, hoặc (ii) cả chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp.	
	2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Bổ sung theo Điều 150.3 của LDN 2020; Điều 23.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và có thể gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông	Bổ sung theo Điều 150.5 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		tin điện tử của Công ty.	
	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, và các tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp <del>kèm chữ ký của Cổ đông</del> , văn bản ủy quyền tham dự họp, <b>ng nghị quyết/quyết định đã được thông qua</b> và các tài liệu có liên quan <b>gửi kèm theo thông báo mời họp</b> phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Bỏ đi nội dung kèm chữ ký của cổ đông vì luật không bắt buộc, việc quy định sẽ khó thực thi trên thực tế dẫn đến không tuân thủ. Bổ sung theo Điều 150.6 của LDN 2020; Điều 23.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
33	<b>ĐIỀU 36: THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</b>  1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2, Điều 147, Luật Doanh nghiệp và khoản 2, Điều 31, Điều lệ này.	<b>ĐIỀU 36: THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</b>  1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2, Điều 147, Luật Doanh nghiệp và khoản 1, Điều 31, Điều lệ này.	
	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <b>ng nghị quyết/quyết định</b> . Phiếu lấy ý kiến	Bổ sung để làm rõ.



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	thảo nghị quyết/quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Hội đồng quản trị phải bảo đảm gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	kèm theo dự thảo nghị quyết/quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Hội đồng quản trị phải bảo đảm gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	
	5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.	5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở <b>trong trường hợp gửi thư đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</b>	Bổ sung theo Điều 149.4(c) của LDN 2020; Điều 22.4(c) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>đồng không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>6.3. Số Cổ đông với tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết hợp lệ và số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>6.4. Tổng số <b>Cổ phần có quyền biểu quyết</b> tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>[...]</p>	<p>không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>6.3. Số Cổ đông với tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số <b>phiếu</b> biểu quyết hợp lệ và số <b>phiếu</b> biểu quyết không hợp lệ, <b>phương thức biểu quyết</b>, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>6.4. Tổng số <b>phiếu</b> tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>[...]</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 149.5(c) của LDN 2020; Điều 22.5(c) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 149.5(d) của LDN 2020; Điều 22.5(d) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>
	<p>7. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>7. Các thành viên Hội đồng quản trị, <b>người kiểm phiếu</b> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 149.5 của LDN 2020; Điều 22.5 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho Cổ đông có thể thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.	8. Biên bản kiểm phiếu <b>và nghị quyết/quyết định</b> phải được gửi đến Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu <b>và nghị quyết/quyết định</b> cho Cổ đông có thể thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <b>kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</b>	Bổ sung theo Điều 149.6 của LDN 2020; Điều 22.6 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	10. Trường hợp thông qua nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết/quyết định được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết <b>chấp thuận.</b>	10. Trường hợp thông qua nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết/quyết định được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết <b>của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</b>	Chỉnh sửa theo Điều 148.4 của LDN 2020; Điều 22.8 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
34	<b>ĐIỀU 37: YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ	<b>ĐIỀU 37: YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>  1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ	Chỉnh sửa theo Điều 151 của LDN 2020;

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>ngày nhận được nghị quyết/quyết định hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 9, Điều 24, Điều lệ này có quyền yêu cầu <b>tòa án hoặc trọng tài</b> xem xét, hủy bỏ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>[...]</p>	<p>ngày nhận được nghị quyết/quyết định hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, <del>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc</del>, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 9, Điều 24, Điều lệ này có quyền yêu cầu <b>Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)</b> xem xét, hủy bỏ <del>một phần hoặc toàn bộ nội dung</del> nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>[...]</p>	<p>Điều 24 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chọn trọng tài là cơ quan hủy nghị quyết ĐHĐCĐ vì đảm bảo trong thời gian Nghị quyết đang có tranh chấp thì vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có phán quyết cuối cùng. Nếu chọn Tòa án thì có thể yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.</p>
	<p>2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết/quyết định đó. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều này, thì các nghị quyết/quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án hoặc trọng tài có <b>quyết định khác</b>, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>2. Các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết/quyết định đó. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu <del>tòa án hoặc</del> trọng tài hủy bỏ nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều này, thì các nghị quyết/quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi <b>quyết định hủy bỏ nghị quyết/quyết định đó của tòa án hoặc</b> trọng tài có <b>hiệu lực</b>, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 152.3 của LDN 2020.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	3. Trường hợp nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.	3. Trường hợp nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của <del>tòa án hoặc</del> trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <b>có nghị quyết/quyết định</b> bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty.	Chọn trọng tài là cơ quan hủy nghị quyết ĐHĐCĐ.
35	<p><b>ĐIỀU 38: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>[...]</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 139, Luật Doanh nghiệp và phải bảo đảm báo cáo này có các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3, Điều 163, Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>ĐIỀU 38: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>[...]</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 139, Luật Doanh nghiệp và phải bảo đảm báo cáo này có các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3, Điều 163, Luật Doanh nghiệp <b>và Điều lệ này;</b></p>	Bổ sung để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>[...]</p> <p>c) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>[...]</p> <p>e) Hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</p> <p>g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;</p> <p>h) Kết quả giám sát đối với Người điều hành doanh nghiệp khác; và</p> <p>y) Các kế hoạch trong tương lai.</p>	<p>[...]</p> <p>c) Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>[...]</p> <p>e) Hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</p> <p>g) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và thành viên khác của Ban Giám đốc; và</p> <p><del>h) Kết quả giám sát đối với Người điều hành doanh nghiệp khác; và</del></p> <p>h) Các kế hoạch trong tương lai.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 280.3 của ND 155/2020/ND-CP.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
36	<p><b>ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công ty, trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công ty, trừ những quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông <b>và Tổng Giám đốc.</b></p>	Bổ sung để làm rõ.
	<p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp khác.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và những <b>Người quản lý doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</b></p>	Bổ sung theo Điều 153.2(k) của LDN 2020; Điều 27.2(k) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC)
	<p>3. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị</p>	<p>3. Quyền và <b>nghĩa vụ</b> của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ này, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>3.1. Quyền hạn:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm của Công ty;</p> <p>c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập và các vấn đề khác liên quan đến công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn,</p>	<p>trị công ty, Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị, <b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <b>nghĩa vụ</b> sau:</p> <p>3.1. Quyền hạn:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm của Công ty; <b>quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</b></p> <p>c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, <del>bãi nhiệm</del>, <b>ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng</b>, quyết định mức lương, <b>thù lao, thưởng</b> và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;</p> <p>d) Quyết định cơ cấu tổ chức <del>quản lý</del>, <b>bao gồm các Khối, Trung tâm và Chi nhánh khu vực; quyết định các</b> Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập <del>và các vấn đề khác liên</del></p>	<p>Bổ sung theo Điều 153.2(e) của LDN 202; Điều 27.2(e) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung theo Điều 153.2(i) của LDN 2020; Điều 27.2(i) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Làm rõ quyền hạn của HĐQT.</p>



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>f) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm;</p>	<p><del>quan đến</del> công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua/bán cổ phần/phần vốn góp của doanh nghiệp khác;</p> <p>f) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi <del>trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</del> quyết định mua lại Cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 133, Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức <del>Tổng Giám đốc hay</del> Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc người đại diện của Công ty <del>khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.</del> Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc cách chức;</p>	<p>Bổ sung để làm rõ trường hợp bán cổ phần/phần vốn góp. Chỉnh sửa và bổ sung theo Điều 153.2(d) và (đ) của LDN 2020; Điều 27.2(d) và (đ) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung theo Điều 153.2(i) của LDN 2020; Điều 27.2(i) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>j) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>o) Xây dựng, ban hành và chỉnh sửa Quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>j) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n) Đề xuất mức cổ tức được chi trả và xác định mức cổ tức chi trả tạm thời không vượt qua mức cổ tức kế hoạch trong năm tài chính đã được ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>o) tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>p) quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>q) Xây dựng, ban hành và chỉnh sửa Quy chế công bố thông tin, Quy chế cung cấp thông tin cho cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc, các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế làm việc với các bên hữu quan, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 27.2(n) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 153.2(o) của LDN 2020; Điều 27.2(o) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung để làm rõ quyền hạn của HĐQT.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	r) Quyết định bán Cổ phần chưa bán trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	Bổ sung theo các Điều 153.2(c), (g), (h), (i), và (k) của LDN 2020; Điều 27.2(c), (g), (h), (i), và (k) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	[Không quy định]	s) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc;	
	[Không quy định]	t) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ này;	
	[Không quy định]	u) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác và/hoặc tham dự cuộc họp của hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	Bổ sung để làm rõ quyền hạn của HĐQT.
	[Không quy định]	v) Phủ quyết và/hoặc thay đổi các nghị quyết,	Bổ sung để làm rõ quyền hạn của HĐQT.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	quyết định hoặc vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc và các đơn vị khác trong Công ty nếu các quyết định này gây ra hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích, không vì lợi ích tốt nhất của Công ty, hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty hoặc định hướng của Hội đồng quản trị;	
	[Không quy định]	w) Ban hành nghị quyết yêu cầu Tổng giám đốc thực hiện các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo chỉ định, hướng dẫn của Hội đồng quản trị;	Bổ sung để làm rõ quyền hạn của HĐQT.
	[Không quy định]	aa) Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Ban Giám đốc theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc; quyết định chính sách lương thưởng và tổng mức tiền lương của các thành viên Ban Giám đốc;	Bổ sung để làm rõ quyền hạn của HĐQT.
	[Không quy định]	bb) Giám sát hoạt động các thành viên Ban Giám đốc;	Bổ sung để làm rõ quyền hạn của HĐQT.
	[Không quy định]	cc) Thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị, các cơ quan và bộ phận giúp việc khác; và	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>v) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và các quyền không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.</p> <p>3.2. Nghĩa vụ:</p> <p>[...]</p> <p>d) Xây dựng Quy chế quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>e) Xây dựng Quy chế Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;</p> <p>h) [...]</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>dd) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, <b>Luật Chứng khoán</b>, Điều lệ Công ty, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty, Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị, <b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và các quyền không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc.</p> <p>3.2. Nghĩa vụ:</p> <p>[...]</p> <p>d) Xây dựng, <b>chỉnh sửa Quy chế nội bộ về quản trị công ty</b>, Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;</p> <p>g) [...]; <b>và</b></p> <p><b>i) Giải trình tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tùy từng trường hợp;</b></p>	<p>Bổ sung để làm rõ nghĩa vụ của HĐQT.</p> <p>Bổ sung để làm rõ nghĩa vụ của HĐQT.</p> <p>Bổ sung để làm rõ nghĩa vụ của HĐQT.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	j) Ban hành nguyên tắc đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban khác thuộc Hội đồng quản trị, và thành viên Ban Giám đốc;	Bổ sung để làm rõ nghĩa vụ của HĐQT.
	[Không quy định]	k) Phối hợp chặt chẽ với thành viên Ban Giám đốc và hỗ trợ thành viên Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc; và	Bổ sung để làm rõ nghĩa vụ của HĐQT.
		l) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung để làm rõ nghĩa vụ của HĐQT.
	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: [...]	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: [...]	
	4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát	4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát	Bổ sung theo Điều 34.1 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>[...]</p> <p>4.10. [...]; và</p> <p>4.11.[...];</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ, bí quyết kỹ thuật và tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;</p> <p>[...]</p> <p>4.10. [...]; và</p> <p>4.11.[...]; và</p> <p>4.12. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ những vấn đề HĐQT được phê chuẩn.</p>
	<p>6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ không cho phép, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban thuộc Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình hoặc đại diện xử lý công việc thay</p>	<p>6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ không cho phép, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban thuộc Hội đồng quản trị, thành viên của Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các tổ chức khác thực hiện một hoặc một số trách nhiệm và quyền hạn thuộc thẩm quyền</p>	<p>Bổ sung để mở rộng chủ thể được nhận ủy quyền, giao quyền hoặc phân quyền của HĐQT.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	mặt cho Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật. [...]	của mình hoặc đại diện xử lý công việc thay mặt cho Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật. [...]	
	7. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết/quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết nghị của Hội đồng quản trị theo đa số phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc ý kiến bằng văn bản. Nếu số phiếu của các ý kiến khác nhau bằng nhau thì nghị quyết/quyết định được thông qua theo ý kiến của bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	7. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết/quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết nghị của Hội đồng quản trị <b>được thông qua</b> theo đa số phiếu biểu quyết <b>của thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết</b> tại cuộc họp hoặc ý kiến bằng văn bản. Nếu số phiếu của các ý kiến khác nhau bằng nhau thì nghị quyết/quyết định được thông qua theo ý kiến của bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Bổ sung để làm rõ tỷ lệ thông qua nghị quyết của HĐQT. Đây là tỷ lệ biểu quyết chung cho tất cả vấn đề mà HĐQT có quyền phê duyệt, bao gồm cả phê duyệt giao dịch với bên liên quan. Do đó, chỉ những thành viên có quyền biểu quyết mới được tính vào số phiếu biểu quyết.
	8. Trường hợp nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết/quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết/quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết/quyết định nói trên	8. Trường hợp nghị quyết/quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết/quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết/quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết/quyết định nói trên được miễn trừ trách	Chỉnh sửa phù hợp với Điều 37 (cơ quan hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ là trọng tài).



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu <b>tòa án</b> đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết/quyết định nói trên.	nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu <b>trọng tài</b> đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết/quyết định nói trên.	
37	<p><b>ĐIỀU 40: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty và có các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>[...]</p> <p>1.9. [...]</p>	<p><b>ĐIỀU 40: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty và có các tiêu chuẩn sau đây, <b>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác:</b></p> <p>1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được <b>thành lập và</b> quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>[...]</p> <p>1.9. [...]</p>	<p>Chỉnh sửa để tạo sự linh động về tiêu chuẩn của thành viên HĐQT.</p> <p>Bổ sung theo Điều 155.1(a) của LDN 2020.</p>
	2.[...]. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công	2.[...]. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công	Bổ sung theo Điều 274.1 của NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điều 25.1 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>bổ và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>f. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên <b>Hội</b> đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>g. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p><b>h.</b> Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p>	<p>bổ và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <b>cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty</b> nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>f. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên <b>hội</b> đồng quản trị và các chức danh quản lý khác, <b>và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);</b></p> <p><del>g. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</del></p> <p><b>g.</b> Các lợi ích có liên quan tới Công ty <b>và các bên có liên quan của Công ty</b> (nếu có); <b>và</b></p>	<p>BTC).</p> <p>Bổ sung theo Điều 274.1 của NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điều 25.1(g) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không có yêu cầu này.</p> <p>Bổ sung theo Điều 274.1 của NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điều 25.1(đ) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	<b>i. Các chức danh quản lý tại các tổ chức, doanh nghiệp khác không phải là Công ty. Để làm rõ, “tổ chức, doanh nghiệp khác” bao gồm cả công ty con và công ty liên kết của Công ty; và</b>	Bổ sung theo Điều 25.1(d) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	3. Các Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông có quyền gộp số Cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên; từ 70% đến 80% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên; và từ 80% đến	3. Các Cổ đông nắm giữ Cổ phần phổ thông có quyền gộp số Cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <b>Cụ thể,</b> Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên; từ 70% đến 80% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90%	Bổ sung để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	dưới 90% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.	tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.	
	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>[...]</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>b. Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Điều này;</li> <li>d. Gửi đơn từ chức bằng văn bản đến trụ sở chính của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; hoặc</li> <li>e. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</li> </ul> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm nếu vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (6) tháng liên tục, và trong thời gian này Hội</p>	Làm rõ các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt; trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm d và điểm e, Khoản 2, Điều này.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thành viên Hội đồng quản trị bị thay thế, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm;</li> <li>b. Thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ;</li> <li>c. Thành viên Hội đồng quản trị qua đời; hoặc</li> <li>d. Công ty chấm dứt hoạt động.</li> </ul>	
	6. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên theo khoản 5, Điều này, tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính	9. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm theo quy định tại mục 4.3, khoản 4, Điều 30 thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn quy định tại mục 5.1(b), khoản 5, Điều 30 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	Chuyển vị trí của Điều 45 cũ vào Điều 40.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực cho đến ngày hết nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3, Điều 38, Điều lệ này.	Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên theo khoản 8, Điều này, tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực cho đến ngày hết nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3, Điều 38, Điều lệ này.	
	<b>13.</b> Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, bao gồm cả Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.	<b>16.</b> Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, bao gồm cả Chủ tịch <b>Hội đồng quản trị</b> hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.	Bổ sung để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
38	<p><b>ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.</p>	<p><b>ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch <b>Hội đồng quản trị</b> và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.</p>	Bổ sung để làm rõ.
	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>2.9. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình; và</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>2.9. Được ủy quyền, <b>phân quyền hoặc giao quyền phù hợp với nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty</b>, và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền, <b>phân quyền hoặc giao quyền</b> của mình. <b>Để làm rõ, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền (không được phân quyền hoặc giao</b></p>	<p>Bổ sung để tạo cơ chế phân quyền hoặc giao quyền của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>Bổ sung để giới hạn phạm vi ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Chủ tịch HĐQT.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	2.10. Các quyền khác theo các quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.	quyền) cho người khác thực hiện các công việc mà mình có được từ sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị; và  2.10. Các quyền khác theo các quy định pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ.	Bổ sung để làm rõ.
	3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền khi Chủ tịch vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.	3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc <del>ủy quyền khi Chủ tịch vắng mặt hoặc phải</del> Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được ủy quyền, hoặc cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được ủy quyền tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, ví dụ như chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành	Chỉnh sửa theo Điều 156.4 của LDN 2020; Điều 29.5 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, các thành viên còn lại bầu một người khác trong số họ giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
	4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	4. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Bổ sung theo Điều 29.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
39	<b>ĐIỀU 42: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  [...]  1.6. [...].	<b>ĐIỀU 42: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> [...]  1.6. [...]; và	Bổ sung theo Điều 277.2(d) của NĐ 155/2020/NĐ-CP.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	1.7. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. [...]	
	<p>3. [...]</p> <p>Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) [...]</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>3. [...]</p> <p>Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) [...] và</p> <p>b) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; và</p>	Bổ sung để làm rõ trách nhiệm của trưởng thành viên độc lập HĐQT.
	[Không quy định]	4. Trưởng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị thay thế, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị theo nguyên	Bổ sung để làm rõ việc thay thế, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trưởng thành viên độc lập HĐQT.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành.	
40	<p><b>ĐIỀU 43: CÁC ỦY BAN, TIỂU BAN VÀ BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị được quyền thành lập các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban trực thuộc hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty và nhóm công ty do Công ty là công ty mẹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ.</p>	<p><b>ĐIỀU 43: CÁC ỦY BAN, TIỂU BAN VÀ BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị được quyền thành lập các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban trực thuộc hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Công ty và nhóm công ty do Công ty là công ty mẹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ.</p>	Sửa từ ngữ phù hợp.
	<p>3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền hạn của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban do Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban, các Quy chế quản lý nội bộ và/hoặc nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. [...]</p>	<p>3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, thù lao, đánh giá, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền hạn, và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban, thành viên của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban do Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban, các Quy chế quản lý nội bộ và/hoặc nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Bổ sung để mở rộng những vấn đề mà HĐQT có quyền quyết định đối với ủy ban, tiểu ban và ban.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		[...]	
	5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban trực thuộc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị quy định tại nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban trực thuộc, <b>hoặc các thành viên của Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban thực hiện một số</b> vấn đề thuộc <b>quyền hạn</b> và trách nhiệm của Hội đồng quản trị quy định tại nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty, Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban và <b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, <b>trừ việc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền để các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban trực thuộc quyết định thay Hội đồng quản trị.</b>	Bổ sung để mở rộng chủ thể được nhận ủy quyền, giao quyền hoặc phân quyền của HĐQT.  Bổ sung để làm giới hạn phạm vi được nhận ủy quyền, giao quyền hoặc phân quyền của ủy ban, tiểu ban, ban.
	6. Ủy ban, Tiểu ban, <b>và</b> Ban có trách nhiệm tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban, Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Hội đồng	6. Ủy ban, Tiểu ban, Ban, <b>và các thành viên của Ủy ban, Tiểu ban và Ban</b> có trách nhiệm tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty, Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban,	Bổ sung để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	quản trị và sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị.	<b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị.	
	[Không quy định]	<b>9. Định kỳ hàng năm, Ủy ban, Tiểu ban, Ban đánh giá hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban, Ban và báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời giải trình các nội dung chưa rõ ràng trong báo cáo.</b>	Bổ sung để làm rõ trách nhiệm đánh giá hoạt động và báo cáo của ủy ban, tiểu ban, ban.
41	<b>ĐIỀU 44: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  1. Khi Hội đồng quản trị có thành viên được bầu bổ sung thì cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị, để ra các nghị quyết/quyết định thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp này do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng hết nhiệm kỳ thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	<b>ĐIỀU 44: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  1. Khi Hội đồng quản trị có thành viên được bầu bổ sung thì cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị, để ra các nghị quyết/quyết định thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp này do Chủ tịch <b>Hội đồng quản trị</b> hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng hết nhiệm kỳ thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Bổ sung để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	2. Hội đồng quản trị tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế Hội đồng quản trị.	2. Hội đồng quản trị tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần <b>và có thể họp bất thường</b> theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty và Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo Điều 157.2 của LDN 2020; Điều 30.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn:  3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp;  3.2. [...]; hoặc  3.3. [...].  [Không quy định]	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn <b>và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</b>  3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác;</b>  3.2. [...]; <b>hoặc</b>  3.3. [...]; <b>hoặc</b>  <b>3.4. Các trường hợp khác theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</b>	Chỉnh sửa và bổ sung theo Điều 157.3(b) và Điều 157.4 của LDN 2020; Điều 30.3(b) và Điều 30.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).  Bổ sung để làm rõ.
	6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được	6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được	Chỉnh sửa theo Điều 157.6 của LDN 2020;

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng <b>buru điện</b> , fax, <b>thư</b> điện tử hoặc phương <b>tiện</b> khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo <b>phiếu biểu quyết và</b> những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng <b>giấy mời, điện thoại</b> , fax, <b>phương tiện</b> điện tử hoặc phương <b>thức</b> khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	Điều 30.6 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị <b>có mặt trực tiếp</b> hoặc qua người đại diện được ủy quyền dự họp. [...]	7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành <del>và thông qua các quyết định</del> khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị <b>dự họp</b> hoặc qua người đại diện được ủy quyền dự họp. [...]	Chỉnh sửa theo Điều 157.8 của LDN 2020.
	[...]  9. Biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị:  [...]		

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>9.3. Theo quy định tại khoản 9.4, Điều này, <b>khí có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.</b></p> <p>9.6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị <b>có mặt</b>. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.</p>	<p>9.3. Theo quy định tại khoản 9.4, Điều này, <b>thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết</b>, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.</p> <p>9.6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị <b>có quyền biểu quyết dự họp tán thành</b>. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền</b> sẽ là lá phiếu quyết định. <b>Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không có quyền</b></p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với Luật Doanh nghiệp: thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không được biểu quyết.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 157.12 của LDN 2020. (Nghị quyết trong trường hợp này không thuộc giao dịch liên quan và các vấn đề có lợi ích liên quan nên phải tuân theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp giao dịch liên quan hay thông qua vấn đề có lợi ích liên quan thì quyết định được đa số thành viên không</p>



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>9.7. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Các biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>trước hoặc trong cuộc họp</b>.</p> <p>[Không quy định]</p> <p>[Không quy định]</p>	<p><b>biểu quyết và số phiếu biểu quyết ngang nhau, vấn đề sẽ không được thông qua.</b></p> <p>9.7. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Các <b>phiếu</b> biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc</b>.</p> <p><b>9.8. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp và biểu quyết. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho người không phải thành viên Hội đồng quản trị dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị thì phải được tất cả thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành hoặc không có bất kỳ ý kiến phản đối nào.</b></p> <p><b>9.9. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mời</b></p>	<p>có lợi ích liên quan dự họp tán thành.)</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 157.10 của LDN 2020.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 157.11 của LDN 2020; Điều 30.11 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung để làm rõ thành phần mở rộng của</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị. Người được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận, nêu ý kiến nhưng không được biểu quyết.	cuộc họp HĐQT và chủ thể có quyền quyết định thành phần mở rộng.
	13. Nghị quyết/quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết/quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết/quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.	13. Nghị quyết/quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết/quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết/quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Quy trình lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều 45, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	Bổ sung tham chiếu của quy trình lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
	14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản cuộc họp trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp	14. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có đầy đủ nội dung được quy định tại khoản 1, Điều 158, Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, <del>trừ khi</del>	Bổ sung để làm rõ theo Điều 158.1 của LDN 2020.  Xóa vì Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p> <p>[Không quy định]</p>	<p><del>có ý kiến phản đối về nội dung biên bản cuộc họp trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu</del>, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p> <p>Trường hợp (i) chủ tọa hoặc người ghi biên bản, hoặc (ii) cả chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 158, Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành nghị quyết/quyết định thông qua. Biên bản <del>họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</del></p> <p><del>Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước</del></p>	<p>TT116/2020/TT-BTC) không còn nội dung này.</p> <p>Bổ sung để làm rõ trường hợp cần tất cả thành viên HĐQT dự họp ký vào biên bản họp.</p> <p>Bổ sung theo Điều 158.2 của LDN 2020; Điều 279.2 của NĐ 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>Bổ sung theo Điều 158.5 của LDN 2020.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	
	15. Ngoài các cuộc họp được quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi về chuyên môn hoặc một số vấn đề của Công ty mà không thuộc trường hợp phải triệu tập, tổ chức và lập biên bản họp theo quy định tại Điều lệ này. Các cuộc gặp gỡ hoặc trao đổi này không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị chính thức để ban hành nghị quyết hay biểu quyết thông qua bất kỳ vấn đề nào. Để làm rõ, cuộc họp tại khoản này bao gồm cuộc họp giữa các thành viên Hội đồng quản trị, cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị với các Ủy ban, Tiểu ban, Ban hoặc <b>những Người điều hành doanh nghiệp</b> , giữa Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban với <b>những Người điều hành doanh nghiệp</b> phù hợp với Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội đồng quản trị và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	15. Ngoài các cuộc họp được quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi về chuyên môn hoặc một số vấn đề của Công ty mà không thuộc trường hợp phải triệu tập, tổ chức và lập biên bản họp theo quy định tại Điều lệ này. Các cuộc gặp gỡ hoặc trao đổi này không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị chính thức để ban hành nghị quyết/ <b>quyết định</b> hay biểu quyết thông qua bất kỳ vấn đề nào. Để làm rõ, cuộc họp tại khoản này bao gồm cuộc họp giữa các thành viên Hội đồng quản trị, cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị với các Ủy ban, Tiểu ban, Ban hoặc <b>thành viên Ban Giám đốc</b> , giữa Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban với <b>thành viên Ban Giám đốc</b> phù hợp với Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty, Quy chế <b>hoạt động của</b> Hội đồng quản trị và <b>các</b> Quy chế quản lý nội bộ của Công ty	Sửa từ ngữ phù hợp.
42	<b>ĐIỀU 45: BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>ĐIỀU 45: LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN</b>	Chuyển vị trí Điều 45 cũ: ( <i>Bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị</i> ) thành khoản

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[...]	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo khoản 3, Điều 153, Luật Doanh nghiệp khi xét thấy cần thiết, trừ các vấn đề dưới đây:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Quyết định mua lại dưới 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>c) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>d) Quyết định cơ cấu tổ chức;</p> <p>e) Thông qua kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng</p>	<p>6 Điều 40 của Điều lệ sửa đổi để đảm bảo tính logic.</p> <p>Bổ sung quy định về quy trình lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>g) Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, các Ủy ban chuyên môn và thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Quyết định Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>i) Phê chuẩn các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm của Công ty hoặc các khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>j) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>k) Thành lập, giải thể, sáp nhập các công ty con, công ty liên kết của Công ty; và</p> <p>l) Các vấn đề khác do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>2. Thể thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Hội đồng quản trị và các tài liệu liên quan cho các thành viên Hội đồng quản trị bằng phương tiện điện tử, thư điện tử, chuyển phát nhanh hoặc phương thức phù hợp khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung bắt buộc sau: (i) tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>ng nghiệp của Công ty; (ii) họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của thành viên Hội đồng quản trị; (iii) các vấn đề cần lấy ý kiến; (iv) ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị đối với từng vấn đề được lấy ý kiến; (v) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (vi) thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và (vii) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Thời gian để thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu và gửi lại phiếu lấy ý kiến, tùy thuộc vào vấn đề cần lấy ý kiến, nhưng trong mọi trường hợp không ít hơn ba (3) ngày làm việc và không vượt quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến ngoại trừ các trường hợp cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời trong thời hạn được quy định tại phiếu lấy ý kiến, bằng phương tiện điện tử, thư điện tử, chuyển phát nhanh hoặc phương thức phù hợp khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định</p>	



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>sau đây:</p> <p>i. Trường hợp gửi chuyển phát nhanh, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</p> <p>ii. Trường hợp gửi thư điện tử hoặc thông qua phương tiện điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>iii. Trong ngữ cảnh của điều khoản này, “phiếu biểu quyết hợp lệ” là phiếu biểu quyết theo mẫu của Công ty, đã đánh dấu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề biểu quyết, gửi về Công ty trong thời hạn được xác định tại phiếu lấy ý kiến, và chưa được mở hoặc tiết lộ; và “phiếu biểu quyết không hợp lệ” là phiếu biểu quyết không theo mẫu của Công ty, không đánh dấu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề biểu quyết, gửi về Công ty sau thời</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, hoặc đã bị mở hoặc bị tiết lộ.</p> <p>iv. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>v. Thành viên Hội đồng quản trị không được thay đổi hoặc chỉnh sửa phiếu biểu quyết đã gửi về Công ty và đã được bộ phận có liên quan tiếp nhận.</p> <p>d) Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của Thư ký công ty để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và lập Biên bản kiểm phiếu.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có nội dung sau: (i) tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) các vấn đề cần lấy ý kiến; (iii) tổng số thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ; (iv) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; (v) các vấn đề đã</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>được thông qua; và (vi) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu (nếu có).</p> <p>e) Chủ tịch Hội đồng quản trị tổng hợp và lập bản ghi nhận ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị với sự trợ giúp của Thư ký công ty (nếu có).</p> <p>f) Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu (nếu có) phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; và về các thiệt hại phát sinh từ quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tự mình thực hiện hoặc giao Thư ký công ty, văn phòng Hội đồng quản trị hoặc chủ thể khác thực hiện một hoặc các công việc được quy định tại Khoản này.</p> <p>3. Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông qua khi có ý kiến biểu quyết tán thành của đa</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến và đã gửi phiếu biểu quyết hợp lệ về Công ty. Trường hợp số ý kiến biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Biên bản kiểm phiếu, bản ghi nhận ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị và nghị quyết Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, và phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Nghị quyết Hội đồng quản trị được công bố thông tin theo quy định pháp luật.</p> <p>6. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.</p> <p>7. Chỉ có Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có quyền lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>bằng văn bản để thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Hội đồng quản trị quy định thủ tục chi tiết để lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản phù hợp với quy định tại Điều này.</p>	
43	<p><b>ĐIỀU 48: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</b></p> <p>[...]</p> <p>5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; và</p>	<p><b>ĐIỀU 48: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</b></p> <p>[...]</p> <p>5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; <b>Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; và</b></p>	Bổ sung để làm rõ.
	[Không quy định]	7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định/ng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, và các Quy chế quản lý nội	Bổ sung để làm rõ quyền và nghĩa vụ của UBKT.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		bộ của Công ty.	
44	<b>ĐIỀU 49: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN</b>	<b>ĐIỀU 49: CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN</b>  1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.  2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.	Chuyển vị trí giữa Điều 49 và Điều 50.
45	<b>ĐIỀU 49: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA</b>	<b>ĐIỀU 50: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA</b>	Chuyển vị trí giữa Điều 49 và Điều 50.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p><b>THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:</p> <p>[...]</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó;</p>	<p><b>THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN <del>TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN</del></b></p> <p>[...]</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:</p> <p>[...]</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; <b>giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Người quản lý doanh nghiệp khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</b></p>	<p>Bổ sung theo Điều 284.2(d) của NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điều 46.2(d) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
46	<p><b>ĐIỀU 51: TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và phải là người:</p> <p>2.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>[...]</p> <p>2.5. [...]; và</p> <p>2.6. [...];</p> <p>[Không quy định]</p>	<p><b>ĐIỀU 51: TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty và phải là người:</p> <p>2.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được <b>thành lập và</b> quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>[...]</p> <p>2.5. [...]; <b>và</b></p> <p>2.6. [...];</p> <p><b>2.7. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty; và</b></p> <p><b>2.8. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và</b></p>	<p>Bổ sung theo Điều 162.5(a) của LDN 2020.</p> <p>Bổ sung theo Điều 162.5(b) của LDN 2020.</p> <p>Bổ sung để linh động tiêu chuẩn và điều kiện của TGD.</p>



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<b>ngợi quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.</b>	
	4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.	4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty <b>theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, hợp đồng ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</b> chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <b>pháp luật</b> về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.	Bổ sung theo Điều 162.4 của LDN 2020.
	5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm <b>gây</b> thiệt hại cho Công ty.	5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm <b>và phải bồi thường</b> thiệt hại cho Công ty.	Bổ sung theo Điều 162.4 của LDN 2020.
	6. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính	6. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc <b>và Người quản lý doanh nghiệp khác</b> do Hội đồng quản trị quyết định <b>và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh</b>	Bổ sung theo Điều 163.3 của LDN 2020; Điều 34.4 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	năm của Công ty và phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	<b>nghiệp.</b> Thông tin về tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc <b>và Người quản lý doanh nghiệp khác</b> phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm của Công ty và phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	
47	<b>ĐIỀU 52: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>  [...]  2. Quyết định tất cả các vấn đề mà không cần phải có nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;	<b>ĐIỀU 52: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>  [...]  2. Quyết định tất cả các vấn đề <b>tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty</b> mà không cần phải có nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty;	Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp.
48	4. Đề xuất cơ cấu bao gồm số lượng và các chức danh những Người điều hành doanh nghiệp, và người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tại các tổ chức khác (bao gồm nhưng không giới hạn các tổ chức sau: công ty con,	4. Đề xuất cơ cấu bao gồm số lượng và các chức danh những Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác để Hội đồng quản trị phê duyệt, và người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tại các tổ chức khác (bao gồm nhưng không giới hạn các tổ</b>	Quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	công ty liên kết, chi nhánh của Công ty) để Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp; đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, thù lao các lợi ích khác và việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh là Người điều hành doanh nghiệp, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tại các tổ chức khác;	<del>chức sau: công ty con, công ty liên kết, chi nhánh của Công ty) để Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp; đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, thù lao các lợi ích khác và việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh là Người điều hành doanh nghiệp, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tại các tổ chức khác;</del>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	5. Quyết định các vấn đề liên quan đến chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;	Bổ sung quyền và nghĩa vụ của TGD.
	12. Quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố, tình huống cấp bách khác, mà nếu không thực hiện ngay có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị sau đó;	14. Quyết định các biện pháp xử lý <del>vượt quá thẩm quyền</del> trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố, tình huống cấp bách khác, mà nếu không thực hiện ngay có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị sau đó;	Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp.
	15. Thực hiện tất cả các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội	<del>15. Thực hiện tất cả các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, Quy chế Hội</del>	Xóa vì trùng khoản 20.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động đã ký với Công ty;	<del>đồng quản trị, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động đã ký với Công ty;</del>	
	[Không quy định]	20. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo các quy định tại pháp luật, hợp đồng đã ký với Công ty, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ.	Bổ sung để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
49	<p><b>ĐIỀU 53: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm xảy ra một trong các trường hợp tương tự như các thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 5, Điều 40, Điều lệ này, hoặc không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ được quy định tại Điều 52, Điều lệ này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể <b>bãi</b> nhiệm Tổng Giám đốc khi <b>có từ hai phần ba (2/3)</b> thành viên Hội đồng quản trị <b>trở lên</b> biểu quyết tán thành, trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc nếu Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>ĐIỀU 53: MIỄN NHIỆM, <del>BÃI NHIỆM</del> TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p> <p><del>1. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm xảy ra một trong các trường hợp tương tự như các thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 5, Điều 40, Điều lệ này, hoặc không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ được quy định tại Điều 52, Điều lệ này.</del></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể <b>miễn</b> nhiệm Tổng Giám đốc khi <b>đa số</b> thành viên Hội đồng quản trị <b>có quyền</b> biểu quyết <b>dự họp</b> tán thành. Trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc nếu Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 35.5 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) cho phép miễn nhiệm TGD vào bất kỳ thời điểm nào, và không cần lý do.</p> <p>Điều 35.5 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) quy định việc miễn nhiệm TGD chỉ cần đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.	3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, <del>bãi nhiệm</del> , Hội đồng quản trị phải tạm cử người đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế <del>nội bộ về</del> quản trị công ty để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.	Chỉnh sửa từ ngữ phù hợp.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
50	<p><b>ĐIỀU 54: ỦY QUYỀN, PHÂN QUYỀN HOẶC GIAO QUYỀN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các Người điều hành doanh nghiệp hoặc những người khác trong Công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của mình theo quy chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Tổng Giám đốc cho cấp dưới.</p>	<p><b>ĐIỀU 54: ỦY QUYỀN, PHÂN QUYỀN HOẶC GIAO QUYỀN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p> <p>1. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các <b>Người quản lý doanh nghiệp khác</b> hoặc những người khác trong Công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của mình theo quy chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Tổng Giám đốc cho cấp dưới.</p>	Bổ sung từ ngữ để làm rõ nội dung.
51	<p><b>ĐIỀU 55: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</b></p> <p>[...]</p>	<p><b>ĐIỀU 55: <del>CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ BAN GIÁM ĐỐC</del></b></p> <p>1. Các thành viên của Ban Giám đốc chịu trách nhiệm hỗ trợ và giúp việc cho Tổng Giám đốc, hỗ trợ điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các công ty khác và thực hiện các công việc khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Các thành viên của Ban Giám đốc chịu trách</p>	Chỉnh sửa để làm rõ một số nguyên tắc hoạt động của Ban Giám đốc.



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thực hiện các công việc được phân công.</p> <p>3. Số lượng, chức danh, nhiệm kỳ của các thành viên của Ban Giám đốc do Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt.</p> <p>4. Tổng Giám đốc quyết định tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên của Ban Giám đốc.</p> <p>5. Hội đồng quản trị quyết định tổng ngân sách hoạt động, tổng mức tiền lương, thưởng và các lợi ích khác (nếu có) của các thành viên Ban Giám đốc.</p> <p>Tổng Giám đốc quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác (nếu có) của các thành viên Ban Giám đốc dựa trên tổng ngân sách hoạt động, tổng mức tiền lương, thưởng và các lợi ích khác (nếu có) mà Hội đồng quản trị phê duyệt, và phù hợp với khung lương và quy định của Công ty.</p> <p>6. Giám sát hoạt động và đánh giá hiệu quả làm việc của các thành viên Ban Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>của Ban Giám đốc.</p> <p>7. Các thành viên Ban Giám đốc chịu trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p>	
52	<p><b>ĐIỀU 56: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm làm thư ký công ty theo khoản 5, Điều 156, Luật Doanh nghiệp. [...]</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>[...]</p>	<p><b>ĐIỀU 56: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm làm thư ký công ty theo khoản 5, Điều 156, Luật Doanh nghiệp và Điều 57, Điều lệ này. [...]</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>[...]</p>	<p>Bổ sung tham chiếu vì có thêm điều khoản về thư ký công ty.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 281.2 của NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điều 32.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>b. [...]; và</p> <p>c. Không được đồng thời làm việc cho <b>công ty</b> kiểm toán <b>độc lập</b> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>b. [...]; <b>và</b></p> <p>c. Không được đồng thời làm việc cho <b>tổ chức</b> kiểm toán <b>được chấp thuận</b> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; <b>và</b></p> <p><b>d. Các tiêu chuẩn khác theo các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</b></p>	Bổ sung để làm rõ.
	<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>[...]</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty; và</p> <p>[Không quy định]</p> <p>[Không quy định]</p>	<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>[...]</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty; <b>và</b></p> <p><b>i. Tham dự các cuộc họp;</b></p> <p><b>j. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; và</b></p>	Bổ sung theo Điều 281.3 của ND 155/2020/NĐ-CP; Điều 32.3 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, và Quy chế quản trị công ty.	k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, và Quy chế <b>nội bộ về quản trị công ty, và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.</b>	Bổ sung để làm rõ.
	4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.	<del>4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</del>	Pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không quy định.
	[Không quy định]	4. Hội đồng quản trị có quyền thành lập bộ phận phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc quản trị Công ty và thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Hội đồng quản trị.	Bổ sung để làm rõ về việc thành lập bộ phận phụ trách quản trị công ty.
53	[Không quy định]	<b>ĐIỀU 57: THƯ KÝ CÔNG TY</b>  1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:  a) Hỗ trợ các thủ tục hành chính trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;	Chuyển vị trí Điều 57 cũ: <i>(Người đại diện theo ủy quyền của công ty tại tổ chức khác)</i> xuống Điều 73. Chuyển vị trí Điều 57 cũ xuống Điều 73.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thư ký công ty có thể đồng thời là người phụ trách quản trị công ty theo khoản 1, Điều 56, Điều lệ này. Trong trường hợp Thư ký công ty đồng thời là người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty phải tuân thủ và thực hiện thêm các quyền và nghĩa vụ của người phụ trách</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		quản trị công ty.	
54	<p><b>ĐIỀU 57: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC</b></p> <p>[...]</p>	<p><b>ĐIỀU 73: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC</b></p> <p>1. Trừ khi Hội đồng quản trị quyết định khác, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác không có xung đột lợi ích hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích với Công ty và tổ chức đó;</p> <p>b) Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác và người có liên quan đang không tư vấn, làm việc, đầu tư, góp vốn hoặc là người quản lý hoặc người điều hành tại bất kỳ công ty nào có ngành nghề hoạt động tương tự tổ chức đó; v</p> <p>c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác, và gửi văn bản cử người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức đó. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có đầy đủ nội dung được quy định tại khoản 4, Điều 14, Luật</p>	<p>Chuyển vị trí Điều 57 cũ xuống Điều 73.</p> <p>Bổ sung quy định về việc bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền, cử người đại diện theo ủy quyền giữ các chức danh tại tổ chức khác.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>Doanh nghiệp.</p> <p>3. Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông, hoặc thành viên góp vốn của tổ chức khác, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có thể được Hội đồng quản trị của Công ty đề cử làm thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên hoặc kiểm soát viên, hoặc nắm giữ các chức danh quản lý hoặc điều hành khác tại tổ chức đó.</p> <p>4. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có trách nhiệm:</p> <p>a) Báo cáo định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của tổ chức khác;</p> <p>b) Tổ chức lưu trữ các tài liệu, báo cáo, văn bản trong quá trình được cử làm người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>c) Quyết định hoặc biểu quyết tại các cuộc họp đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên, hoặc hội đồng quản trị của tổ chức có liên quan theo quyết định, chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, và Hội đồng</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Tổng Giám đốc phê duyệt, một số vấn đề của công ty con, miễn là phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, công ty con. Việc xin ý kiến này sẽ được quy định chi tiết tại các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e) Thực hiện quyền, nghĩa vụ, và nhiệm vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty;</p> <p>f) Bảo mật các thông tin có được trong thời gian được cử làm người đại diện theo ủy quyền của Công ty và/hoặc đảm nhiệm các chức danh quản lý hoặc điều hành tại tổ chức có liên quan;</p> <p>g) Chỉ đạo và đôn đốc người đại diện pháp luật của công ty con lập và nộp các báo cáo theo các quy định tại Điều 197, Luật Doanh nghiệp; và</p> <p>h) Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ, và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác tuân thủ đầy đủ trách nhiệm,</p>	



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>quyền hạn và nghĩa vụ với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn, người quản lý doanh nghiệp hoặc người điều hành doanh nghiệp (nếu có) tại tổ chức khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, điều lệ và các quy định của tổ chức đó.</p> <p>6. Tùy thuộc vào vị trí đảm nhiệm, năng lực, hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh của Công ty hoặc công ty con, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có thể được Công ty hoặc công ty con trả thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác hoặc không. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty phải báo cáo Hội đồng quản trị của Công ty xem xét trước khi nhận bất kỳ khoản thù lao, tiền lương, thưởng hoặc lợi ích nào từ bất kỳ tổ chức nào mà Công ty đang là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn.</p> <p>7. Hội đồng quản trị sẽ quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, thù lao, tiền lương và lợi ích khác, giám sát và đánh giá hoạt động người</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác. 8. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các tài liệu chi tiết phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty để thực hiện các quy định tại Điều này.	
55	<p><b>ĐIỀU 58: TRÁCH NHIỆM CẢN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp khác có trách nhiệm sau đây:</p> <p>[...]</p>	<p><b>ĐIỀU 58: TRÁCH NHIỆM CẢN TRỌNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ <del>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</del></b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp khác có trách nhiệm sau đây:</p> <p>[...]</p>	
	[Không quy định]	3. Người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.	Bổ sung quy định về trách nhiệm công bố thông tin của người quản lý doanh nghiệp và thành viên Ban Giám đốc.
56	<b>ĐIỀU 59: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA</b>	<b>ĐIỀU 59: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA</b>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p><b>NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:</p>	<p><b>NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:</p>	
	<p>[...]</p> <p>4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2, Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>4.1. Khi có sự yêu cầu của Cổ đông, Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</p> <p>[...]</p> <p>4.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền</p>	<p>[...]</p> <p>4. Việc <b>lưu giữ</b>, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2, Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>4.1. <del>Khi có sự yêu cầu của Cổ đông</del>, Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</p> <p>[...]</p> <p>4.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 164.4 của LDN 2020.</p> <p>Chỉnh sửa theo Điều 164.4 của LDN 2020.</p> <p>Chỉnh sửa thuật ngữ phù hợp.</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc; và</p> <p>4.4. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm 4.3 khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những Người có liên quan của Công ty và <b>những nội dung khác</b> một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị công ty.</p>	<p>Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp khác có quyền xem xét, trích lục và sao <b>chép</b> một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc; và</p> <p>4.4. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm 4.3 khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những Người có liên quan của Công ty và <b>lợi ích có liên quan</b> một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế <b>nội bộ về</b> quản trị công ty.</p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 164.4(d) của LDN 2020.</p>
	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông</p>	<p>5. <b>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác và những Người có liên quan của những người này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</b> Thành viên Hội đồng quản trị, thành</p>	<p>Bổ sung theo Điều 47.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác</b> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	
	6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.	6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác</b> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.	Chỉnh sửa thuật ngữ phù hợp.
	7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp và Người có liên quan đến các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của	7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác</b> và Người có liên quan đến các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công	Chỉnh sửa thuật ngữ phù hợp.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
	8. Trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp và Người có liên quan đến các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên là các công ty hoạt động theo nhóm công ty mà trong đó Công ty đóng vai trò là công ty mẹ.	8. Trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc, Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác không phải là Cổ đông</b> và Người có liên quan đến các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên là các công ty hoạt động theo nhóm công ty mà trong đó Công ty đóng vai trò là công ty mẹ.	Bổ sung theo Điều 293.4(a) của NĐ 155/2020/NĐ-CP.
	[Không quy định]	<b>9. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội</b>	Bổ sung theo Điều 164.5 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.	
	[Không quy định]	10. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết/quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Bổ sung theo Điều 291.3 của NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điều 47.3 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
57	<p><b>ĐIỀU 60: CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp hoặc Người điều hành doanh nghiệp và Người có liên quan của họ; hoặc</p> <p>1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ủy ban kiểm toán, và Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại khoản 2, Điều 164, Luật Doanh nghiệp, và các cá nhân, tổ chức khác là Người có liên quan theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>ĐIỀU 60: CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan sau đây:</p> <p>[...]</p> <p>1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp <del>hoặc Người điều hành doanh nghiệp</del> và Người có liên quan của họ; <del>hoặc</del></p> <p>1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ủy ban kiểm toán, và Người quản lý doanh nghiệp, <del>Người điều hành doanh nghiệp khác</del> của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại khoản 2, Điều 164, Luật Doanh nghiệp, <del>và các cá nhân, tổ chức khác là Người có liên quan theo quy định của pháp luật.</del></p>	Chỉnh sửa thuật ngữ phù hợp.



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	3. Đại hội đồng cổ đông có quyền chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác thuộc khoản 1, Điều này, trừ những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như quy định tại khoản 2, Điều này.	3. Đại hội đồng cổ đông có quyền chấp thuận (a) các hợp đồng, giao dịch khác thuộc khoản 1, Điều này, trừ những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như quy định tại khoản 2, Điều này, (b) các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó, và (c) giao dịch tại khoản 1, Điều này có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	Bổ sung theo Điều 167.3(b) của LDN 2020.  Bổ sung theo Điều 293.4(b) của NĐ 155/2020/NĐ-CP; Điều 47.6(b) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
	4. [...]. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết còn lại đồng ý.	4. [...]. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, hoặc trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.	Chỉnh sửa theo Điều 167.4 của LDN 2020.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp hoặc Người điều hành doanh nghiệp hoặc Người có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu <del>theo quyết định của tòa án</del> và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, <del>Người quản lý doanh nghiệp hoặc Người điều hành doanh nghiệp hoặc Người có liên quan</del> phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	Chỉnh sửa thuật ngữ phù hợp.
	[Không quy định]	8. Đối với các hợp đồng, giao dịch không được ký kết giữa Công ty và các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng vì lợi ích của các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này: người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo với Hội đồng quản trị và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch này bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.	Bổ sung để làm rõ việc thông qua giao dịch không được ký kết giữa công ty với bên liên quan nhưng vì lợi ích của bên liên quan.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
58	<p><b>ĐIỀU 61: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện, nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt,</p>	<p><b>ĐIỀU 61: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện, nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác</b>, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <b>Tổng Giám đốc</b>, Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp <b>khác</b>, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản</p>	Chỉnh sửa từ ngữ để làm rõ.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
59	[Không quy định]	<b>CHƯƠNG IV</b> <b>TRA CỨU SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ LAO ĐỘNG</b>	
60	<b>ĐIỀU 62: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ</b>  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	<b>ĐIỀU 62: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ</b>  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty ( <b>nếu có</b> ), danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	
61	<b>CHƯƠNG IV</b> <b>TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>CHƯƠNG V</b> <b>TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
62	<p><b>ĐIỀU 65: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG</b></p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p>	<p><b>ĐIỀU 65: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG</b></p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam <del>và</del>/hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p>	Bổ sung để làm rõ.
63	<p><b>ĐIỀU 66: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b></p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 67, Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p><b>ĐIỀU 66: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b></p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 67, Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/<del>Trung tâm Giao dịch Chứng khoán</del> và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	
	<p>3. [...]</p> <p>Người chịu trách nhiệm lập các báo cáo này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu</p>	<p>3. [...]</p> <p>Người chịu trách nhiệm lập các báo cáo này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con. Trường hợp người chịu trách nhiệm của <b>công ty mẹ</b> đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì Công ty mẹ vẫn lập và trình các báo cáo đó, có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc sai lệch.	chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con. Trường hợp người chịu trách nhiệm của <b>Công ty</b> đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì Công ty <b>mẹ</b> vẫn lập và trình các báo cáo đó, có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc sai lệch.	
	4. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.	4. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán <b>hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</b>	Sửa từ ngữ phù hợp.
	7. Hội đồng quản trị ban hành các quy định cụ thể để bảo đảm các công ty phải hợp nhất báo cáo tài chính với Công ty theo quy định của pháp luật phải chấp nhận kiểm toán và tuân thủ chế độ kế toán theo chuẩn mực của Công ty.	7. Hội đồng quản trị ban hành các quy định cụ thể để bảo đảm các công ty <b>con</b> phải hợp nhất báo cáo tài chính với Công ty theo quy định của pháp luật phải chấp nhận kiểm toán và tuân thủ chế độ kế toán theo chuẩn mực của Công ty.	Sửa từ ngữ phù hợp.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	[Không quy định]	8. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty, công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung theo Điều 197.5 của LDN 2020
64	<p><b>ĐIỀU 68: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ</b></p> <p>1. Theo quy định tại Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) được Bộ Tài chính chấp thuận, lợi nhuận của Công ty được xác định như sau:</p> <p>Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí</p> <p>Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập doanh nghiệp</p>	<p><b>ĐIỀU 68: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ</b></p> <p>1. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ được xác định và thực hiện theo Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	Chỉnh sửa phù hợp với thực tế.
65	<p><b>ĐIỀU 69: CỔ TỨC</b></p> <p>1. Theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>ĐIỀU 69: CỔ TỨC</b></p> <p>1. [Bị xóa bỏ]</p>	<p>Pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không quy định vấn đề này.</p> <p>Việc quyết định mức chi trả cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định nên không phụ thuộc vào mức đề xuất HĐQT</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p><b>7.</b> Trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả Cổ đông ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo phải ghi rõ số Cổ phần từng loại của Cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm, và phương thức trả cổ tức. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <b>Trung tâm Lưu ký Chứng khoán</b>. Số tiền cổ tức của các Cổ đông chưa đến nhận sẽ không được tính lãi.</p>	<p><b>6.</b> Trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả Cổ đông ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo phải ghi rõ số Cổ phần từng loại của Cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm; <b>và phương thức trả cổ tức, và các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp</b>. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <b>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</b> <b>Trung tâm Lưu ký Chứng khoán</b>. Số tiền cổ tức của các Cổ đông chưa đến nhận sẽ không được tính lãi.</p>	Bổ sung theo Điều 135.4 của LDN 2020.
	<p><b>10.</b> Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định tại khoản 1, Điều này thì các Cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ đông không hoàn trả được cho Công</p>	<p><b>9.</b> Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định tại <del>khoản 1</del>, Điều này thì các Cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì Cổ</p>	Sửa tham chiếu.



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	ty thì Cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.	đồng đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.	
66	<b>CHƯƠNG V</b> <b>CÔNG BỐ THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>CHƯƠNG VI</b> <b>CÔNG BỐ THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG</b>	
67	<b>CHƯƠNG VI</b> <b>MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON</b>	<b>CHƯƠNG VII</b> <b>MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON</b>	
68	<b>ĐIỀU 71: QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON</b>  1. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Công ty với các công ty con.	<b>ĐIỀU 71: QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</b>  1. <b>Hội đồng quản trị đại diện</b> Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ <del>của mình</del> với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con, <b>công ty liên kết</b> theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Công ty với các công ty con, <b>công ty liên kết</b> .	Bổ sung để làm rõ chủ thể có quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông tại tổ chức khác.
	[Không quy định]	2. <b>Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng</b>	Bổ sung cơ chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của HĐQT.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>quản trị, Tổng Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác, tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của mình với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại tổ chức khác, và chủ thể được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền có trách nhiệm tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền này.</p> <p>Chủ thể là cá nhân được Hội đồng quản trị ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền theo quy định tại Điều này không được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại cho chủ thể khác, trừ trường hợp văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty quy định rõ ràng cho phép người này được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền lại. Chủ thể là tổ chức được Hội đồng quản trị ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền theo quy định tại Điều này được ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền hạn</p>	

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		và nghĩa vụ của mình, nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm ban hành văn bản ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền.	
	[Không quy định]	3. Hội đồng quản trị, thông qua thỏa thuận với công ty con và phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, ban hành quy định chi tiết về việc phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp, người điều hành doanh nghiệp của công ty con, nhằm tạo điều kiện cho Tổng Giám đốc giám sát hoạt động quản lý, điều hành công ty con và một số hoạt động kinh doanh của công ty con, và yêu cầu người quản lý doanh nghiệp hoặc người điều hành doanh nghiệp của công ty con cung cấp các thông tin và tài liệu cần thiết để đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty con.	Bổ sung cơ chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của HĐQT.
	4. Công ty và Người quản lý doanh nghiệp của Công ty chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này.	6. <del>Công ty và</del> Người quản lý doanh nghiệp của Công ty chịu trách nhiệm <del>theo quy định của Luật Doanh nghiệp</del> về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều này <b>phải liên đới cùng Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.</b>	Bổ sung cơ chế ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của HĐQT.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
69	<b>ĐIỀU 72: GIAO DỊCH LIÊN KẾT GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON</b>	<b>ĐIỀU 74: GIAO DỊCH LIÊN KẾT GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY CON</b>	Thay đổi vị trí Điều 72 và Điều 75.
70	[Không quy định]	<p><b>ĐIỀU 72: QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị, đại diện Công ty với tư cách là chủ sở hữu, định hướng và quyết định cơ cấu quản trị đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy chế, quy định, nguyên tắc làm cơ sở định hướng giám sát và quản trị các công ty con phù hợp với quy định pháp luật và thỏa thuận giữa Công ty với công ty con.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức triển khai thỏa thuận giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết để thiết lập các nguyên tắc chung về quản trị công ty và quản lý doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, công ty con, công ty liên kết.</p>	Bổ sung nguyên tắc quản trị công ty đối với công ty con.

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
		<p>4. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm định hướng và tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ tại công ty con theo thỏa thuận với công ty con và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Tổng Giám đốc hoặc chủ thể khác thực hiện các công việc tại Điều này phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
71	<b>CHƯƠNG VII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TỔ TỤNG</b>	<b>CHƯƠNG VIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TỔ TỤNG</b>	

72	<p><b>ĐIỀU 73: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ CÔNG TY</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này hoặc các <b>quy định hành chính</b>, giữa:</p> <p>[...]</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay Người <b>điều hành</b> doanh nghiệp khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên</p>	<p><b>ĐIỀU 75: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ CÔNG TY</b></p> <p>[...]</p> <p>2. Trường hợp phát sinh tranh chấp <del>hay khiếu nại</del> liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này hoặc các <b>thỏa thuận</b>, giữa:</p> <p>[...]</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, <b>thành viên Hội đồng quản trị</b>, Tổng Giám đốc hay Người <b>quản lý</b> doanh nghiệp khác.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng <del>và hoà giải</del>. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến <del>Hội đồng quản trị hay</del> Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. <del>Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội</del></p>	<p>Chỉnh sửa theo Điều 62.1 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Chỉnh sửa phù hợp với thực tế.</p>
----	---	---	---

	<p>quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho tiến trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p><del>đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho tiến trình giải quyết tranh chấp.</del></p>	
--	--	---	--

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>3. Trường hợp không <b>đạt</b> được quyết định hòa giải trong vòng sáu (6) tuần từ <b>khi bắt đầu tiến trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận</b>, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <b>trọng tài hoặc toà án</b>.</p> <p>[...]</p>	<p>3. Trường hợp không <b>thương lượng</b> được <del>quyết định hòa giải</del> trong vòng sáu (6) tuần từ <b>ngày bắt đầu quá trình thương lượng</b>, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <b>Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)</b> để giải quyết theo Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của VIAC. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt.</p> <p>[...]</p>	<p>Chọn trọng tài làm cơ quan giải quyết tranh chấp.</p>
	<p>4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và <b>hòa giải</b>. <b>Việc thanh toán các chi phí của trọng tài hoặc toà án được thực hiện theo phán quyết của trọng tài hoặc toà án</b>.</p>	<p>4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và <b>giải quyết tranh chấp</b>.</p>	<p>Chỉnh sửa để làm rõ chủ thể phải chịu chi phí liên quan đến giải quyết tranh chấp.</p>
73	<p><b>ĐIỀU 74: TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY</b></p> <p>1. Mọi trường hợp kiện tụng, tranh chấp về các giao dịch kinh tế, dân sự giữa Công ty với các tổ chức, cá nhân khác được ưu tiên giải</p>	<p><b>ĐIỀU 76: TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY</b></p> <p>1. Mọi trường hợp kiện tụng, tranh chấp về các giao dịch kinh tế, dân sự giữa Công ty với các tổ chức, cá nhân khác được ưu tiên giải quyết</p>	<p>Chỉnh sửa phù hợp với Điều 73.</p>



STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	quyết thông qua thương lượng và hòa giải	thông qua thương lượng <del>và hòa giải</del> .	
	2. Trong trường hợp không <del>đạt</del> được quyết định hoà giải, sự việc sẽ được đưa ra giải quyết tại trọng tài hoặc toà án. [...]	2. Trong trường hợp không <del>thương lượng</del> được <del>quyết định hoà giải</del> , sự việc sẽ được đưa ra giải quyết tại trọng tài hoặc toà án, <del>theo thỏa thuận giữa các bên</del> . [...]	Chỉnh sửa phù hợp với Điều 73.
74	<b>CHƯƠNG VIII</b>  <b>GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN</b>	<b>CHƯƠNG IX</b>  <b>TỔ CHỨC LẠI, GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN</b>	
75	[Không quy định]	<b>ĐIỀU 77: TỔ CHỨC LẠI DOANH NGHIỆP</b>  Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
76	<b>ĐIỀU 75: GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG</b>  [...]  2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có trên 65% tổng số <b>Cổ phần có quyền</b> biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu	<b>ĐIỀU 78: GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG</b>  [...]  2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có trên 65% tổng số <b>phiếu</b> biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp	Chỉnh sửa theo Điều 60.2 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
	<p>quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>3. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p>3.2. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p><b>3.3.</b> Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>3.4.</b> Bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc</p> <p>[...]</p>	<p>hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>3. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>[...]</p> <p><del>3.2. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</del></p> <p><b>3.2.</b> Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>3.3.</b> Bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, <b>trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</b> hoặc</p> <p>[...]</p>	<p>Pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không quy định trường hợp này.</p> <p>Bổ sung theo Điều 207.1(d) của LDN 2020; Điều 59.1(c) của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).</p>

STT	Nội dung hiện tại	Nội dung đề xuất chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa
77	<b>ĐIỀU 76: THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN</b>  [...]  [không quy định]	<b>ĐIỀU 79: THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN</b>  [...]  3.4. <b>Nợ thuế</b>	Chỉnh sửa theo Điều 208.5 của LDN 2020; Điều 61.3 của Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC).
78	4. Trong thời gian thanh lý, Ban thanh lý có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	<del>4. Trong thời gian thanh lý, Ban thanh lý có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</del>	Pháp luật hiện hành và Điều lệ mẫu (PL1 đính kèm TT116/2020/TT-BTC) không có quy định này.
79	<b>CHƯƠNG IX</b> <b>HIỆU LỰC THI HÀNH</b>	<b>CHƯƠNG X</b> <b>HIỆU LỰC THI HÀNH</b>	Chỉnh sửa tham chiếu.
80	<b>ĐIỀU 77: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>  [...]  2. Bản Điều lệ này bao gồm 09 chương, <b>77</b> điều có hiệu lực từ ngày <b>30</b> tháng <b>09</b> năm <b>2024</b> và thay thế bản Điều lệ ngày <b>16</b> tháng <b>04</b> năm 2024.	<b>ĐIỀU 80: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>  [...]  2. Bản Điều lệ này bao gồm 09 chương, <b>80</b> điều có hiệu lực từ ngày __ tháng __ năm <b>2025</b> và thay thế bản Điều lệ ngày <b>30</b> tháng <b>09</b> năm <b>2024</b> .	Chỉnh sửa phù hợp với thực tế.